

TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Chính phủ số 172-CP ngày 1-11-1973 ban hành bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ và bản Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ vào Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960 ;

Căn cứ vào nghị quyết của hội nghị toàn thể của Hội đồng Chính phủ trong phiên họp ngày 23 tháng 4 năm 1973 ;

Để cải tiến một bước tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ và các cơ quan quản lý Nhà nước, đặc biệt trong lĩnh vực quản lý kinh tế,

NGHỊ ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo nghị định này bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ và bản Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

Thủ trưởng các cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ cũng có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ trưởng theo đúng các quy định của bản Điều lệ và bản Quy định này trừ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng Chính phủ trong hội nghị Hội đồng Chính phủ.

Điều 2. — Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm :

- Tổ chức thi hành bản Điều lệ và bản Quy định này trong phạm vi trách nhiệm của mình ;
- Xây dựng bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của cơ quan mình ;
- Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình, sửa đổi, bổ sung hoặc đề nghị Hội đồng Chính phủ sửa đổi, bổ sung, ban hành những luật pháp, chính sách, chế độ, thể lệ quản lý mới thuộc phạm vi ngành mình cho phù hợp với những nguyên tắc của bản Điều lệ và bản Quy định này.

Điều 3. — Các đồng chí Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính Phủ, các đồng chí Chủ tịch Ủy ban hành chính khu, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, có trách nhiệm thi hành bản nghị định này.

Hà-nội, ngày 1 tháng 11 năm 1973

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

ĐIỀU LỆ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

(Ban hành kèm theo nghị định số 172-CP ngày 1-11-1973 của Hội đồng Chính phủ)

MỞ ĐẦU

Nhà nước xã hội chủ nghĩa của ta làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản, là Nhà nước của chế độ mới, chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động trên cơ sở nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân và chính đảng của nó, Đảng Lao động Việt-nam.

Tổ chức và hoạt động của Nhà nước xã hội chủ nghĩa của ta vừa thể hiện sự lãnh đạo của Đảng, vừa thể hiện quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng ta là tiêu biểu cho quyền làm chủ tập thể của nhân dân, cho ý chí và quyền lợi trước mắt và lâu dài của giai cấp công nhân và của nhân dân lao động. Sự lãnh đạo của Đảng và quyền làm chủ tập thể của nhân dân trong việc quản lý Nhà nước, quản lý kinh tế được thực hiện chủ yếu là thông qua tổ chức và hoạt động của Nhà nước.

Là cơ quan chấp hành của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất và là cơ quan hành chính Nhà nước cao nhất của nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, Hội đồng Chính phủ quản lý mọi mặt của đời sống xã hội theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước; tổ chức thực hiện mọi nghị quyết của Ban chấp hành trung ương Đảng và nghị quyết của Quốc hội.

Nhà nước ta là tổ chức cao nhất, tập trung nhất của quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động. Cho nên, trong mọi hoạt động của mình, các thành viên Hội đồng Chính phủ và tất cả các cán bộ, nhân viên các cơ quan Nhà nước phải là « người đầy tớ thật trung thành của nhân dân », luôn luôn tôn trọng quyền làm chủ tập thể của nhân dân, liên hệ chặt chẽ với nhân dân, lắng nghe và nghiên cứu ý kiến nhân dân, hết lòng, hết sức phục vụ nhân dân; không ngừng phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, kiên quyết chống chủ nghĩa quan liêu.

Hội đồng Chính phủ và các cơ quan Nhà nước phối hợp chặt chẽ với Công đoàn, Đoàn thanh niên lao động Hồ Chí Minh, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam để phát huy vai trò làm chủ tập thể và sức mạnh vô tận của quần chúng.

Hội đồng Chính phủ và các cơ quan Nhà nước phải động viên được toàn bộ lực lượng tinh thần và vật chất của nhân dân, phát huy lòng hăng hái, trí thông minh, tài năng sáng tạo của nhân dân trong một phong trào thi đua yêu nước sâu rộng, lôi cuốn hàng triệu người lao động sôi nổi tham gia quản lý Nhà nước, xây dựng và quản lý nền kinh tế quốc dân.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa của ta vừa là tổ chức nắm quyền lực chính trị, vừa là tổ chức nắm quyền lực kinh tế; nó vừa tiến hành sự quản lý hành chính Nhà nước đối với mọi mặt của đời sống xã hội, vừa trực tiếp tổ chức và quản lý nền kinh tế quốc dân. Hai mặt đó gắn bó chặt chẽ với nhau và đều thể hiện trong tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ cũng như của các cơ quan Nhà nước khác.

Theo nguyên tắc cơ bản của Nhà nước xã hội chủ nghĩa là **tập trung dân chủ**, tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ phải kết hợp đúng đắn việc tăng cường sự quản lý tập trung thống nhất của Hội đồng Chính phủ về các vấn đề cơ bản của việc quản lý Nhà nước, của quá trình tái sản xuất xã hội với việc tăng cường trách nhiệm và quyền hạn, phát huy tính chủ động, sáng tạo của các ngành, các địa phương, các đơn vị cơ sở. Đồng thời, phải tăng cường quyền lực quản lý của Nhà nước trên cơ sở phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể của nhân dân, kết hợp chặt chẽ công tác quản lý của Nhà nước với phong trào cách mạng sâu rộng của quần chúng nhân dân.

Trong việc tổ chức và quản lý nền kinh tế quốc dân, phải *kết hợp nguyên tắc ngành với nguyên tắc lãnh thổ*. Nó thể hiện trong việc kết hợp sự quản lý của các Bộ theo ngành kinh tế — kỹ thuật trong phạm vi cả nước với sự quản lý của các Ủy ban hành chính theo cấp trong từng khu vực hành chính. Việc quản lý theo ngành khi nào cũng phải kết hợp với quản lý theo cấp. Một mặt cơ quan quản lý hành chính Nhà nước trung ương thống nhất quản lý kinh tế — kỹ thuật đối với toàn ngành trong cả nước ở những mức độ khác nhau, tùy theo tính chất và tùy theo trình độ kỹ thuật và tổ chức sản xuất của từng ngành. Mặt khác, chính quyền địa phương tiến hành sự quản lý Nhà nước trong phạm vi lãnh thổ đối với mọi hoạt động của Nhà nước và các mặt đời sống xã hội ở địa phương.

Toàn bộ tổ chức và hoạt động của Nhà nước từ trung ương đến địa phương phải hướng về các đơn vị kinh tế cơ sở và các đơn vị văn hóa, xã hội. *Các đơn vị kinh tế cơ sở : xí nghiệp quốc doanh và hợp tác xã, là những tế bào của nền kinh tế quốc dân*, là nơi trực tiếp tạo ra của cải vật chất của xã hội, trực tiếp diễn ra hàng ngày ba cuộc cách mạng và trực tiếp thể hiện hàng ngày vai trò làm chủ tập thể của quần chúng lao động. Hoạt động của các cơ quan của Hội đồng Chính phủ cuối cùng phải thể hiện ra tại cơ sở, có tác dụng chỉ đạo và hướng dẫn thiết thực cơ sở, giúp đỡ và phục vụ đắc lực cơ sở tiến hành sản xuất và kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế cao.

Hội đồng Chính phủ và tất cả các cơ quan Nhà nước phải tiến hành việc quản lý xã hội, quản lý kinh tế bằng *pháp chế*, không ngừng tăng cường và hoàn thiện pháp chế Nhà nước, nhất là pháp chế kinh tế, xem đó là một công cụ tổ chức sắc bén và rất có hiệu lực để thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch Nhà nước, củng cố kỷ luật Nhà nước, phát triển nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

Dựa vào Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa, Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ và những phương hướng, nguyên tắc trên đây, bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Chính phủ và các thành viên trong Hội đồng Chính phủ ; quy định các mối quan hệ giữa Thủ tướng Chính phủ với các Bộ trưởng, giữa các Bộ với nhau và giữa các Bộ với các Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Những mối quan hệ ấy phải bảo đảm :

— Tăng cường chức năng quản lý toàn diện, tập trung, thống nhất trong phạm vi cả nước và hiệu lực quản lý của Hội đồng Chính phủ đối với toàn bộ nền kinh tế quốc dân và mọi hoạt động của đời sống xã hội ;

— Tăng cường chức năng quản lý Nhà nước của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, xác định chức trách của mỗi Bộ, cơ quan ngang Bộ, tiến hành sự quản lý hành chính Nhà nước và quản lý kinh tế thống nhất đối với toàn ngành hay lĩnh vực được giao trong phạm vi cả nước (ở những mức độ khác nhau tùy theo đặc điểm kinh tế — kỹ thuật, và tùy theo trình độ kỹ thuật và tổ chức sản xuất của những ngành khác nhau) ;

— Tăng cường chức năng quản lý toàn diện của cơ quan chính quyền Nhà nước ở địa phương dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất của Hội đồng Chính phủ và sự quản lý thống nhất theo ngành của các cơ quan trung ương ; xác định chức năng của Ủy ban hành chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (trong bản này gọi tắt là Ủy ban hành chính tỉnh) quản lý hành chính Nhà nước, quản lý kinh tế, văn hóa, trật tự, trị an, đời sống trong phạm vi một bộ phận lãnh thổ của cả nước ;

— Tăng cường trách nhiệm, quyền hạn và xác định quyền tự chịu trách nhiệm của đơn vị kinh doanh : xí nghiệp quốc doanh, hợp tác xã, liên hiệp các xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, công ty...

Chương I

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Điều 1. — Hội đồng Chính phủ quản lý mọi mặt của đời sống xã hội và mọi hoạt động của Nhà nước : chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, ngoại giao, theo những quyền hạn đã ghi trong Hiến pháp nước Việt-nam dân chủ cộng hòa và Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ. Hội đồng Chính phủ tổ chức chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và luật pháp Nhà nước nhằm xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, mà trọng tâm là xây dựng nền kinh tế xã hội chủ nghĩa và xây dựng hệ thống quản lý kinh tế phù hợp với điều kiện cụ thể của nước ta.

Tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ trong công việc quản lý Nhà nước, quản lý nền kinh tế quốc dân bao gồm các mặt kết hợp hữu cơ với nhau :

1. Hoạt động của Thủ tướng Chính phủ (là người đứng đầu Hội đồng Chính phủ, chịu trách nhiệm chung trước Quốc hội về hoạt động của Hội đồng Chính phủ và điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các ngành, các lĩnh vực công tác),

2. Hoạt động của Bộ trưởng thành viên Hội đồng Chính phủ (là người chịu trách nhiệm trước Quốc hội và trước Hội đồng Chính phủ về việc quản lý Nhà nước trong phạm vi cả nước đối với ngành hay lĩnh vực công tác được giao),

3. Các sinh hoạt và các quyết định tập thể của Hội đồng Chính phủ về những vấn đề liên quan đến hoạt động chung của Nhà nước, của nhiều ngành và lĩnh vực công tác.

Trong hoạt động của mình, Hội đồng Chính phủ vừa phải bảo đảm phát huy sức mạnh và hiệu lực của mỗi thành viên được phân công phụ trách mỗi ngành, mỗi lĩnh vực công tác, vừa phải phát huy sức mạnh và hiệu lực chung của tập thể Hội đồng Chính phủ, trên cơ sở tăng cường sự hợp tác, phục vụ và tùy thuộc lẫn nhau giữa các cơ quan Nhà nước.

Điều 2. — Hội nghị toàn thể Hội đồng Chính phủ thảo luận và giải quyết những vấn đề cơ bản của công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, quyết định những chủ trương, chính sách, biện pháp lớn để bảo đảm thực hiện các nghị quyết của Đảng và của Quốc hội :

1. Thảo luận và thông qua các dự đoán phát triển nền kinh tế quốc dân, phát triển văn hóa và các mặt của đời sống xã hội ; thông qua các dự án kế hoạch dài hạn, kế hoạch hàng năm và ngân sách Nhà nước, trình Quốc hội phê chuẩn.

2. Thảo luận và thông qua các dự án luật, pháp lệnh về mọi lĩnh vực công tác trình Quốc hội phê chuẩn ; thảo luận và quyết định các chủ trương, các chính sách, các chế độ quản lý ; thông qua các nghị quyết về những công việc quản lý Nhà nước thuộc thẩm quyền của Hội đồng Chính phủ.

3. Quyết định những phương hướng và biện pháp lớn nhằm cải tiến công tác chỉ đạo và quản lý của Hội đồng Chính phủ.

4. Tổ chức sự kiểm tra và thanh tra các hoạt động của các Bộ, các Ủy ban hành chính, các đơn vị cơ sở ; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước và tình hình thực hiện các công tác chung của Nhà nước.

Điều 3. — Hội nghị toàn thể của Hội đồng Chính phủ họp mỗi tháng một lần, không kể hội nghị bất thường.

Các thành viên của Hội đồng Chính phủ phải tham dự đều đặn Hội nghị toàn thể của Hội đồng Chính phủ, thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc chức năng của Hội đồng Chính phủ. Những thành viên của Hội đồng Chính phủ vắng mặt phải báo cáo với Thủ tướng Chính phủ. Thành viên vắng mặt được cử thứ trưởng thường trực tới họp thay. Người được cử đi họp thay không có quyền biểu quyết.

Các thủ trưởng cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ dự Hội nghị toàn thể của Hội đồng Chính phủ, nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 4. — Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ thảo luận và quyết định các vấn đề nhằm chuẩn bị cho Hội nghị toàn thể Hội đồng Chính phủ và đảm bảo thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ :

1. Chuẩn bị các dự án nói ở điều 2 để đưa ra Hội nghị toàn thể của Hội đồng Chính phủ ;
2. Quyết định các chủ trương, chính sách, chế độ và biện pháp cụ thể để bảo đảm việc tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ ;
3. Quyết định những chủ trương, phương hướng phát triển cụ thể của từng ngành, từng địa phương và những biện pháp nhằm kiện toàn tổ chức, tăng cường cán bộ, nâng cao năng lực quản lý của các Bộ và các Ủy ban hành chính tỉnh ;
4. Kiểm tra hoạt động của các Bộ, các Ủy ban hành chính ; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch hàng tháng, hàng quý, tình hình chấp hành nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, tình hình hoạt động và phối hợp giữa các Bộ, các Ủy ban hành chính, quyết định các biện pháp nhằm cải tiến công tác và điều hòa, phối hợp các cơ quan đó ;
5. Quyết định các dự án công tác cần nghiên cứu và làm thử.

Trong trường hợp cấp bách mà Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ phải quyết định những vấn đề thuộc phạm vi của Hội nghị toàn thể của Hội đồng Chính phủ, thì sau đó Thủ tướng Chính phủ báo cáo trước Hội nghị toàn thể của Hội đồng Chính phủ.

Điều 5. — Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ họp mỗi tuần một lần, không kể hội nghị bất thường.

Điều 6. — Những nghị quyết của Hội nghị toàn thể hoặc Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ được thể hiện dưới hình thức các nghị định, nghị quyết, quyết định, chỉ thị, thông tư của Hội đồng Chính phủ.

Điều 7. — Hội đồng Chính phủ lập ra các Hội đồng tư vấn khi thấy cần thiết. Hội đồng tư vấn thảo luận và làm kiến nghị lên Hội đồng Chính phủ về các dự án tổng hợp quan trọng. Hội đồng này do một Phó thủ tướng hoặc một Bộ trưởng làm chủ tịch, gồm thủ trưởng các Bộ có liên quan, đại diện các đoàn thể nhân dân và một số nhà khoa học.

Chương II

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Điều 8. — Thủ tướng Chính phủ lãnh đạo công tác của Hội đồng Chính phủ và thay mặt Hội đồng Chính phủ chỉ đạo công tác của các Bộ và các Ủy ban hành chính các cấp.

Thủ tướng Chính phủ thực hiện nhiệm vụ của mình và bảo đảm cho Hội đồng Chính phủ thực hiện nhiệm vụ theo đường lối, chính sách của Đảng, luật pháp của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng Chính phủ và hoạt động theo đúng bản điều lệ này.

Điều 9. — Thủ tướng Chính phủ thay mặt Hội đồng Chính phủ :

1. Chỉ đạo việc thực hiện các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ ;
2. Đề ra việc nghiên cứu các chính sách, chế độ, các biện pháp để thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước và các nhiệm vụ công tác của Hội đồng Chính phủ ;
3. Theo đề nghị của các Bộ trưởng và các Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh, giải quyết những vấn đề quan trọng nảy sinh trong quá trình xây dựng và thực hiện kế hoạch, nếu các vấn đề đó vượt quá thẩm quyền của Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh ;
4. Điều hòa, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra công tác của các Bộ trưởng và Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh ;

5. Thông báo tình hình chung cho Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh.

Điều 10. — Thủ tướng Chính phủ quyết định chương trình làm việc của Hội nghị toàn thể và Hội nghị thường vụ của Hội đồng Chính phủ, triệu tập và chủ tọa các hội nghị đó.

Điều 11. — Thủ tướng Chính phủ làm việc trực tiếp với các Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh về những vấn đề quan trọng của Hội đồng Chính phủ, của mỗi Bộ và mỗi địa phương.

Điều 12. — Các Phó thủ tướng giúp Thủ tướng Chính phủ trong việc lãnh đạo chung và được Thủ tướng ủy nhiệm chỉ đạo từng khối công tác của Hội đồng Chính phủ theo quy định của điều 9.

Trong các Phó thủ tướng, có Phó thủ tướng thường trực giúp Thủ tướng chỉ đạo, điều hòa, phối hợp công việc chung của Hội đồng Chính phủ.

Điều 13. — Thủ tướng Chính phủ ký các văn bản của Hội đồng Chính phủ quy định ở điều 6. Trường hợp vắng mặt, Thủ tướng Chính phủ ủy nhiệm Phó thủ tướng thường trực ký các văn bản ấy.

Chương III

BỘ TRƯỞNG

Điều 14. — Bộ là cơ quan quản lý Nhà nước trung ương, lãnh đạo một hay một số ngành hoặc lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước. Bộ trưởng chịu trách nhiệm trước Quốc hội và trước Hội đồng Chính phủ về công tác của Bộ mình.

Bộ trưởng là thành viên của Hội đồng Chính phủ, tham gia tích cực vào sinh hoạt tập thể và quyết định tập thể các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng Chính phủ.

Để thực hiện đường lối, chính sách, luật pháp và nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng chịu trách nhiệm hoàn toàn và có thẩm quyền tổ chức chỉ đạo thực hiện công tác của ngành hay lĩnh vực mình phụ trách; xây dựng và phát triển ngành hay lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước theo đường lối, kế hoạch, chính sách, luật pháp thống nhất của Nhà nước.

Với cương vị là người đứng đầu một cơ quan quản lý Nhà nước trung ương, Bộ trưởng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước đối với ngành hay lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước; tăng cường sự lãnh đạo, giúp đỡ và phát huy đầy đủ tính chủ động, sáng tạo của các liên hiệp các xí nghiệp, công ty, các xí nghiệp liên hợp, các xí nghiệp trực thuộc và các Ủy ban hành chính địa phương, không bao biện và không trực tiếp giải quyết các vấn đề thuộc trách nhiệm và thẩm quyền giải quyết của các liên hiệp các xí nghiệp, công ty, xí nghiệp liên hợp và của các Ủy ban hành chính địa phương.

Điều 15. — Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng đối với các ngành hay lĩnh vực được phân công là:

1. Xây dựng các quy hoạch, các dự đoán phát triển ngành hay lĩnh vực công tác trong phạm vi cả nước, xây dựng kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm, đề bảo đảm phát triển mạnh mẽ, toàn diện, cân đối và có hiệu quả ngành kinh tế được phân công và nhằm thỏa mãn đầy đủ hơn nữa những nhu cầu của nền kinh tế quốc dân và của quốc phòng.

2. Xây dựng các dự án luật pháp, chính sách, chế độ, tiêu chuẩn, định mức của ngành hay lĩnh vực ấy theo đúng đường lối, chính sách và phương hướng chung của Đảng và Nhà nước.

3. Xét duyệt các kế hoạch và nhiệm vụ công tác của các đơn vị trực thuộc Bộ, các bảng cân đối thuộc thẩm quyền, các tiêu chuẩn kinh tế — kỹ thuật, các quy trình, quy phạm

kỹ thuật và các định mức của ngành ; lãnh đạo các đơn vị trực thuộc hoàn thành các kế hoạch và nhiệm vụ công tác ấy.

4. Quyết định việc tổ chức thực hiện và bảo đảm hoàn thành các kế hoạch Nhà nước, các nhiệm vụ công tác của ngành hay lĩnh vực của Hội đồng Chính phủ đã giao cho, với chi phí ít nhất và hiệu quả lớn nhất.

5. Quyết định việc sử dụng các phương tiện vật chất và tài chính, các nguồn sức lao động thuộc quyền quản lý của mình đúng chính sách, chế độ của Nhà nước và theo kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước để bảo đảm hiệu quả tốt nhất. Điều hòa, phối hợp hoạt động của các đơn vị trong Bộ, giải quyết những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch vượt quá thẩm quyền của đơn vị cấp dưới.

6. Thực hiện đường lối, chính sách, kỹ thuật thống nhất trong ngành ; chỉ đạo công tác nghiên cứu và phát triển khoa học và kỹ thuật của ngành.

7. Tổ chức việc hợp tác quốc tế về kinh tế và về khoa học, kỹ thuật theo đúng đường lối, chính sách của Đảng và những quy định của Nhà nước về quan hệ với nước ngoài.

8. Quyết định các chính sách, chế độ và các biện pháp tổ chức theo sự phân cấp của Chính phủ nhằm tăng cường và cải tiến cơ cấu tổ chức và hoạt động quản lý của ngành hay lĩnh vực mình phụ trách ; bồi dưỡng, đào tạo, sắp xếp, đề bạt, điều động, tuyền dụng, cho thôi việc và thực hiện các chính sách đối với cán bộ và công nhân thuộc quyền quản lý của mình.

9. Thực hiện các biện pháp về pháp chế nhằm cải tiến công tác, củng cố và hoàn thiện chế độ quản lý của ngành, củng cố kỷ luật Nhà nước, giữ gìn và phát triển tài sản xã hội chủ nghĩa thuộc trách nhiệm mình quản lý.

Trong phạm vi những quyền hạn do luật pháp quy định, căn cứ vào và cũng là để thực hiện các luật pháp, các nhiệm vụ kế hoạch và các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, quyết định những chủ trương, biện pháp theo tinh thần tự chịu trách nhiệm và chỉ đạo việc thực hiện những chủ trương, biện pháp ấy, có quyền ra những thông tư, chỉ thị và hướng dẫn bắt buộc thi hành đối với các ngành, các cấp, các đơn vị về những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của ngành hay lĩnh vực mình phụ trách.

10. Lắng nghe và nghiên cứu ý kiến của nhân dân, cán bộ, của các cơ quan Nhà nước và các đoàn thể đối với công tác của ngành hay lĩnh vực được phân công ; tiến hành tự phê bình và phê bình để nhanh chóng khắc phục khuyết điểm, phát huy ưu điểm trong hoạt động của Bộ, của các xí nghiệp, các tổ chức và cơ quan thuộc Bộ.

Nghiên cứu những thư từ, những khiếu nại, yêu cầu, những đơn khiếu nại và tố giác của nhân dân có liên quan đến công tác của ngành mình và tích cực giải quyết các việc đó theo đúng chính sách, luật pháp của Nhà nước.

11. Lãnh đạo và giáo dục toàn thể cán bộ, công nhân, viên chức thuộc quyền mình phấn đấu hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao, tôn trọng đầy đủ kỷ luật lao động, hoạt động đúng kỷ cương của Nhà nước, tôn trọng đầy đủ quyền làm chủ tập thể của nhân dân.

12. Tiến hành sự phối hợp công tác, phục vụ, giúp đỡ lẫn nhau giữa các ngành, các cấp, các cơ quan, đoàn thể với tinh thần hợp tác xã hội chủ nghĩa để bảo đảm hoàn thành tốt nhất các nhiệm vụ công tác.

13. Kiểm tra và thanh tra các ngành, các cấp, các đơn vị về những vấn đề thuộc phạm vi trách nhiệm của mình.

Điều 16. — Trong khi thi hành nhiệm vụ, các Bộ trưởng chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ và Quốc hội về việc hoàn thành kế hoạch Nhà nước và mọi nhiệm vụ được giao, về việc giữ gìn và sử dụng có hiệu quả các tài sản thuộc Bộ mình quản lý, về việc chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Nhà nước và các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong phạm vi ngành hay lĩnh vực mình phụ trách.

Chương IV

**QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
VỚI ỦY BAN HÀNH CHÍNH TỈNH**

Điều 17. — Mỗi quan hệ công tác giữa Hội đồng Chính phủ và Ủy ban hành chính tỉnh quy định như sau :

— Thủ tướng Chính phủ thay mặt Hội đồng Chính phủ lãnh đạo các Ủy ban hành chính tỉnh và chỉ thị cho Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh ;

— Bộ trưởng ra những thông tư, chỉ thị, quyết định trong phạm vi công tác của ngành hay lĩnh vực mình phụ trách, căn cứ vào luật pháp Nhà nước và các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ và kiểm tra các Ủy ban hành chính trong việc thi hành những thông tư, chỉ thị, quyết định ấy.

Các sở, ty ở địa phương vừa chịu sự lãnh đạo của Bộ chủ quản, vừa chịu sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính tỉnh theo nguyên tắc hai chiều lãnh đạo.

Điều 18. — Nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng trong việc quản lý thống nhất những công việc thuộc ngành do Ủy ban hành chính tỉnh trực tiếp quản lý là :

1. Chỉ đạo việc lập quy hoạch phát triển ngành, lập kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm, quy định sự phân công sản xuất và phân công các nhiệm vụ công tác giữa trung ương và địa phương theo đúng phương hướng và những quy định của Hội đồng Chính phủ ; tổng hợp kế hoạch toàn ngành theo hệ thống chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước ; hướng dẫn và giúp đỡ địa phương khai thác tốt nhất mọi khả năng sẵn có ở địa phương.

2. Quyết định các chủ trương công tác của ngành hay lĩnh vực mình phụ trách thuộc phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của Bộ, và chỉ đạo các địa phương thực hiện.

3. Trên cơ sở luật pháp của Nhà nước và trong phạm vi quyền hạn của mình, ban hành các chế độ cụ thể, các tiêu chuẩn và định mức của ngành, áp dụng chung cho các đơn vị trực thuộc trung ương và các đơn vị do địa phương quản lý.

4. Chỉ đạo về kỹ thuật, nghiệp vụ đối với ngành ở địa phương, bảo đảm việc áp dụng nhanh chóng tiến bộ kỹ thuật trong toàn ngành và áp dụng nghiệp vụ thống nhất trong ngành hay lĩnh vực mình phụ trách.

5. Cung cấp cho các địa phương các loại vật tư và thiết bị chuyên dùng trong phạm vi quản lý của Bộ.

6. Thông báo cho Ủy ban hành chính tỉnh những phần kế hoạch xây dựng cơ bản của Bộ ở trong tỉnh cũng như các kế hoạch hoạt động của các xí nghiệp, các tổ chức kinh tế và sự nghiệp trực thuộc Bộ ở trong tỉnh để Ủy ban hành chính tỉnh nghiên cứu, tính toán, đưa những phần liên quan vào kế hoạch địa phương, chuẩn bị và tổ chức tốt việc phục vụ, giúp đỡ, kiểm tra như quy định ở điều 19.

7. Đào tạo cán bộ kỹ thuật và công nhân lành nghề cho các địa phương.

8. Đề nghị với Hội đồng Chính phủ quyết định phương hướng tổ chức bộ máy quản lý của ngành ở địa phương, và hướng dẫn địa phương xây dựng bộ máy quản lý ở địa phương.

9. Kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước và các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, tình hình chấp hành các chủ trương, chính sách, chế độ, tiêu chuẩn và định mức trong phạm vi ngành hay lĩnh vực của mình phụ trách.

Đối với những ngành thực hiện việc quản lý thống nhất toàn ngành (Ngân hàng, Bưu điện, Thống kê...) sẽ có quy định riêng.

Điều 19. — Nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban hành chính tỉnh :

1. Tham gia ý kiến vào quy hoạch và kế hoạch phát triển của các đơn vị sản xuất, kinh doanh trực thuộc trung ương có liên quan đến quy hoạch chung trên lãnh thổ, đến việc phát triển các điều kiện lao động và sinh hoạt chung của địa phương, nhằm tận dụng mọi khả năng vật chất và kỹ thuật trong phạm vi lãnh thổ để phát triển sản xuất, bảo đảm lợi ích cả nước, đồng thời phục vụ lợi ích của nhân dân ở địa phương.
2. Tham gia ý kiến vào việc thiết lập, mở rộng, thu hẹp, bãi bỏ, di chuyển các đơn vị trung ương, vào việc quyết định chọn địa điểm xây dựng các công trình của Bộ.
3. Tổ chức và chăm lo không ngừng tăng cường và cải thiện những cơ sở vật chất bảo đảm những điều kiện cần thiết cho sản xuất và lao động trong lãnh thổ.
4. Tổ chức và chăm lo cải thiện đời sống của công nhân, cán bộ, nhân viên, thống nhất chỉ đạo và quản lý việc xây dựng những khu nhà ở, chỉ đạo việc phát triển sự nghiệp phúc lợi công cộng và phúc lợi tập thể (bao gồm ăn, ở, đi lại, giáo dục, y tế, giải trí,...) ở các đơn vị đó.
5. Góp phần giáo dục, động viên công nhân, cán bộ và nhân viên thực hiện mọi nhiệm vụ kế hoạch và công tác của Nhà nước.
6. Chỉ đạo các đơn vị hành chính và kinh tế ở địa phương cung cấp nhân lực, nguyên liệu, vật liệu do địa phương sản xuất theo chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, hoặc theo hợp đồng kinh tế, trên nguyên tắc kinh doanh xã hội chủ nghĩa.
7. Bảo đảm trật tự an ninh trong địa phương.
8. Kiểm tra việc chấp hành đúng các chính sách, chế độ và luật pháp của Nhà nước, gồm cả những quyết định do chính quyền địa phương ban hành theo thẩm quyền của mình.

Chương V

**QUAN HỆ GIỮA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
VỚI CÁC ĐOÀN THỂ NHÂN DÂN**

Điều 20. — Hội đồng Chính phủ và các cơ quan Nhà nước phải phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể nhân dân : Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội phụ nữ... Mỗi cán bộ Nhà nước phải liên hệ thường xuyên và chặt chẽ với quần chúng, lắng nghe ý kiến quần chúng, giải thích luật pháp, chính sách, chế độ quản lý của Nhà nước cho quần chúng và vận động quần chúng bằng hành động chấp hành đúng các luật pháp, chính sách, chế độ ấy.

Đề phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng, Tổng công đoàn, Đoàn thanh niên lao động Hồ Chí Minh và Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam tổ chức, giáo dục, động viên quần chúng nhân dân thực hiện kế hoạch Nhà nước và mọi luật pháp, chủ trương, chính sách của Nhà nước, đồng thời thay mặt cho quần chúng tham gia các công việc của Hội đồng Chính phủ và các cơ quan Nhà nước theo chức năng, nhiệm vụ của tổ chức mình.

Điều 21. — Khi nghiên cứu và quyết định ban hành các chính sách, chế độ có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của quần chúng, các cơ quan Nhà nước phải bàn bạc với các đoàn thể, tranh thủ sự nhất trí giữa cơ quan Nhà nước và các đoàn thể. Đại biểu của Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam được mời dự các cuộc họp của Hội đồng Chính phủ và của các cơ quan Nhà nước để thảo luận các vấn đề có liên quan đến tăng lớp nhân dân mà mỗi đoàn thể phụ trách.

Các cơ quan Nhà nước có trách nhiệm trả lời những kiến nghị của các đoàn thể và tạo mọi điều kiện thuận lợi để thực hiện những kiến nghị của các đoàn thể và những sáng kiến của quần chúng đã được chấp nhận. Các đề án công tác của các Bộ trình Hội đồng Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về các vấn đề có liên quan đến nghĩa vụ và quyền lợi của quần chúng và đến chức năng, hoạt động của các đoàn thể, cần ghi rõ ý kiến của đoàn thể có liên quan.

Điều 22. — Hội đồng Chính phủ và các cơ quan Nhà nước phối hợp chặt chẽ với Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam để phát động, tổ chức chỉ đạo phong trào thi đua yêu nước trong các tầng lớp nhân dân. Các cơ quan Nhà nước phải cố gắng tạo mọi điều kiện thuận lợi cho phong trào thi đua, bàn bạc với các đoàn thể trong việc định ra các mục tiêu, nội dung, biện pháp tổ chức chỉ đạo, hướng dẫn phong trào thi đua. Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam vận động quần chúng thi đua, đề xuất kiến nghị với cơ quan Nhà nước về các chính sách, biện pháp để đẩy mạnh phong trào thi đua, bàn bạc nhất trí với cơ quan Nhà nước về việc khen thưởng và tuyên dương các đơn vị và cá nhân có nhiều thành tích.

Điều 23. — Hội đồng Chính phủ và các cơ quan Nhà nước phối hợp chặt chẽ với Công đoàn, Đoàn thanh niên và Hội liên hiệp phụ nữ Việt-nam để giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao tinh thần và năng lực làm chủ tập thể của quần chúng.

Điều 24. — Hội đồng Chính phủ và các cơ quan Nhà nước phối hợp chặt chẽ với các đoàn thể nhân dân để tổ chức sự kiểm tra của quần chúng, kết hợp với việc kiểm tra của Nhà nước đối với việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, quản lý kinh tế tài chính và thi hành các chủ trương, chính sách, các chỉ thị, nghị quyết của Đảng và Chính phủ. Các đoàn thể phát hiện cho Hội đồng Chính phủ những thiếu sót và những việc làm sai trái của cơ quan Nhà nước và cán bộ Nhà nước, đề xuất những kiến nghị cải tiến công tác quản lý kinh tế, đấu tranh chống bệnh quan liêu và tổ chức việc kiểm tra của quần chúng trong phạm vi luật pháp Nhà nước quy định.

Điều 25. — Trong các kỳ họp của Ban chấp hành trung ương các đoàn thể thảo luận về việc động viên quần chúng thực hiện kế hoạch Nhà nước, các chính sách, chủ trương của Đảng và Chính phủ, theo lời mời của các đoàn thể nhân dân, đồng chí Bộ trưởng phụ trách Bộ có liên quan sẽ tham dự để bàn bạc về sự phối hợp hành động với các đoàn thể.

Chương VI

VĂN PHÒNG PHỦ THỦ TƯỚNG

Điều 26. — Văn phòng Phủ Thủ tướng có nhiệm vụ :

1. Tổ chức theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước và các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, tình hình hoạt động của các ngành, các địa phương, tình hình sinh hoạt của nhân dân ; phát hiện vấn đề và đề nghị với Thủ tướng Chính phủ các biện pháp cải tiến công tác của Hội đồng Chính phủ. Tổ chức việc thông báo tình hình mọi mặt hoạt động của các ngành, các cấp.

2. Theo dõi, đôn đốc các ngành, các địa phương trong việc xây dựng các đề án công tác, các chính sách, chế độ, thể lệ nhằm thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và nghị quyết của Hội đồng Chính phủ.

3. Chuẩn bị các cuộc hội nghị của Hội đồng Chính phủ ; bảo đảm những đề án trình ra Hội đồng Chính phủ theo đúng những yêu cầu của Hội đồng Chính phủ và đúng những thủ tục quy định ; nghiên cứu, phân tích và trình Thủ tướng Chính phủ những kiến nghị của mình đối với các đề án của các ngành, các địa phương trình ra Hội đồng Chính phủ.

4. Chuẩn bị chương trình công tác của Hội đồng Chính phủ ; làm biên bản, thông báo, thông cáo và cùng các ngành có liên quan dự thảo nghị quyết của các cuộc hội nghị Hội đồng Chính phủ.

5. Chuẩn bị đầy đủ về các mặt những văn bản trình Thủ tướng Chính phủ ký, bảo đảm sự thống nhất về pháp lý của các văn bản do Hội đồng Chính phủ ban hành ; quản lý thống nhất việc ban hành các văn bản của Hội đồng Chính phủ và công bố các văn bản đó.

6. Thường xuyên cải tiến công tác của Văn phòng theo hướng hợp lý hóa, hiện đại hóa ; bảo đảm các điều kiện vật chất và kỹ thuật cho sự chỉ đạo của Hội đồng Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và cho các mặt công tác của Văn phòng.

7. Tổ chức công tác tư liệu và thông tin của Hội đồng Chính phủ.

Điều 27. — Văn phòng Phủ Thủ tướng do một Chủ nhiệm lãnh đạo, có một số Phó chủ nhiệm giúp việc.

Chương VII

MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 28. — Bộ trưởng có trách nhiệm báo cáo cho Thủ tướng Chính phủ về tình hình công tác của ngành trong lĩnh vực mình phụ trách, theo chế độ báo cáo thường kỳ hàng tháng, 3 tháng, 6 tháng, hàng năm. Báo cáo do Bộ trưởng làm và ký. Báo cáo trình bày rõ kết quả kinh tế, hiệu suất công tác của ngành, có những đề nghị cụ thể. Báo cáo viết ngắn gọn, nếu cần sẽ có phụ lục kèm theo, gửi đến Thủ tướng Chính phủ và gửi từng phần có liên quan đến các Bộ quản lý những lĩnh vực công tác chung của Chính phủ.

Điều 29. — Bộ trưởng có trách nhiệm báo cáo kịp thời cho Thủ tướng Chính phủ những việc có quan hệ chung tới công tác của Hội đồng Chính phủ, như :

— Những khó khăn, trở ngại trong việc thực hiện kế hoạch, thực hiện các nhiệm vụ của Nhà nước và kiến nghị về biện pháp giải quyết những khó khăn, trở ngại đó ;

— Những việc thuộc thẩm quyền chỉ đạo và giải quyết của Hội đồng Chính phủ, của Thủ tướng Chính phủ ;

— Những vi phạm lớn của các ngành, các cấp, các cơ sở đối với kế hoạch Nhà nước, đối với các chính sách, chế độ của Nhà nước, đối với tài sản xã hội chủ nghĩa và đối với quyền dân chủ của nhân dân.

Điều 30. — Các văn bản mà Bộ trưởng gửi lên xin chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ phải do Bộ trưởng ký hoặc do đồng chí phó thủ trưởng được ủy quyền ký thay khi thủ trưởng vắng mặt.

Các văn bản xin chỉ thị về các vấn đề thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ phải được trả lời rõ ràng, dứt khoát và kịp thời cho Bộ trưởng để không gây chậm trễ cho công việc.

Các văn bản không có chữ ký của thủ trưởng, phó thủ trưởng cơ quan thì sẽ được trả lại cho cơ quan gửi đi.

Điều 31. — Khi nghiên cứu một vấn đề có liên quan đến nhiều ngành khác, Bộ chủ trì đề án có quyền và có trách nhiệm mời các Bộ trưởng có liên quan họp để thảo luận, góp ý kiến vào đề án và gửi trước các dự thảo trong một thời gian cần thiết. Các Bộ được hỏi ý kiến có trách nhiệm phát biểu ý kiến chính thức của mình trực tiếp hay bằng văn bản trong thời hạn được quy định tùy theo tính chất của vấn đề. Sau thời hạn đó nếu cơ quan được hỏi ý kiến không trả lời thì phải chịu trách nhiệm về kết quả xấu do việc không trả lời gây ra.

Điều 32. — Việc trình các đề án ra Hội đồng Chính phủ được quy định như sau :

Bộ trưởng phụ trách đề án làm một bản báo cáo rõ ràng, ngắn gọn và kèm theo bản dự thảo nghị quyết của Hội đồng Chính phủ. Nội dung bản báo cáo phải thuyết minh :

- Sự cần thiết phải giải quyết vấn đề đó ;
- Ý kiến của các cơ quan có liên quan ;
- Hiệu quả kinh tế và lợi ích chính trị, xã hội đem lại ;
- Các đề nghị cần thiết về việc giải quyết vấn đề đó, những đề nghị về việc sửa đổi các luật pháp hiện hành nếu có.

Đề án chính thức gửi đến Văn phòng Phủ Thủ tướng ít nhất là 10 ngày trước khi họp. Sau 3 ngày, kể từ khi nhận được, Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng trình Thủ tướng Chính phủ và ghi vào chương trình nghị sự của Hội đồng Chính phủ. Nếu Chủ nhiệm Văn phòng Phủ Thủ tướng thấy đề án chưa theo đúng các thủ tục đã được Hội đồng Chính phủ quyết định, thì trực tiếp trao đổi với Bộ trưởng phụ trách đề án. Trường hợp không nhất trí thì Chủ nhiệm Văn phòng báo cáo với Thủ tướng Chính phủ quyết định. Đề án phải gửi đến các thành viên Hội đồng Chính phủ chậm nhất là 5 ngày trước khi họp, trừ trường hợp cấp bách được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Điều 33. — Sau khi thảo luận, Hội đồng Chính phủ thông qua nghị quyết về vấn đề đã bàn.

Các nghị quyết phải ghi rõ :

- Nội dung những chủ trương và biện pháp phải thi hành ;
- Tên cơ quan có trách nhiệm chính trong việc thực hiện nghị quyết ;
- Tên các cơ quan có trách nhiệm phối hợp trong việc thực hiện nghị quyết ;
- Thời gian hoàn thành việc thực hiện nghị quyết và báo cáo kết quả với Hội đồng Chính phủ.

Văn phòng Phủ Thủ tướng làm mọi thủ tục trình Thủ tướng Chính phủ ký và công bố văn bản của Hội đồng Chính phủ trong thời hạn do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 34. — Đề đề cao chế độ thủ trưởng trong bộ máy Nhà nước, phải thực hiện nguyên tắc chỉ huy tập trung thống nhất : chỉ có thủ trưởng (hay phó thủ trưởng được ủy quyền) của cơ quan cấp trên mới có quyền ra chỉ thị cho thủ trưởng cơ quan cấp dưới. Các bộ phận chức năng làm tham mưu giúp việc cho thủ trưởng có nhiệm vụ góp ý kiến đề thủ trưởng quyết định, giúp thủ trưởng kiểm tra công tác của cấp dưới, và hướng dẫn nghiệp vụ cho các bộ phận tham mưu của cấp dưới ; nó không có quyền quyết định công việc và ra chỉ thị cho thủ trưởng cơ quan cấp dưới.

Điều 35. — Chế độ kiểm tra và thanh tra việc chấp hành các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ được quy định như sau :

— Bộ trưởng chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, việc chấp hành các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ đối với các đơn vị trực thuộc, và kiểm tra các ngành, các cấp, các cơ sở trong phạm vi trách nhiệm Hội đồng Chính phủ giao cho mình. Trong trường hợp nghị quyết của Hội đồng Chính phủ không được thi hành. Bộ trưởng phải báo cáo rõ nguyên nhân và những người chịu trách nhiệm.

— Ủy ban Thanh tra của Chính phủ thanh tra việc chấp hành các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ trong tất cả các Bộ, các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở, xét và giải quyết các việc khiếu tố của nhân dân theo đúng thẩm quyền mà luật pháp đã quy định. Ủy ban Thanh tra của Chính phủ phối hợp với các Bộ, các Ủy ban hành chính kiểm tra và thanh tra việc chấp hành các nghị quyết của Hội đồng Chính phủ.

— Chủ nhiệm Ủy ban Thanh tra của Chính phủ có trách nhiệm báo cáo trước Hội đồng Chính phủ về tình hình chấp hành các nghị quyết lớn của Hội đồng Chính phủ.

— Hội đồng Chính phủ và các Bộ trưởng căn cứ vào kết quả kiểm tra, thanh tra, thi hành khen thưởng và kỷ luật nghiêm minh.

Hà-nội, ngày 1 tháng 11 năm 1973

T. M. Hội đồng Chính phủ

K. T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

BẢN QUY ĐỊNH VỀ NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BỘ TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ KINH TẾ

(Ban hành kèm theo nghị định số 172-CP ngày 1-11-1973
của Hội đồng Chính phủ)

Đề thi hành Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ trong lĩnh vực quản lý kinh tế, bản quy định này dựa theo phương hướng cơ bản của việc cải tiến quản lý kinh tế và từng bước xây dựng hệ thống quản lý kinh tế mới mà nghị quyết hội nghị lần thứ 20 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã nêu rõ : « xóa bỏ lối quản lý hành chính cung cấp, thực hiện quản lý theo phương thức kinh doanh xã hội chủ nghĩa ; khắc phục cách quản lý thủ công, phân tán theo lối sản xuất nhỏ, xây dựng cách tổ chức quản lý của nền công nghiệp lớn nhằm thúc đẩy quá trình đưa nền kinh tế quốc dân từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ».

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. — Phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của chế độ quản lý kinh tế xã hội chủ nghĩa của Nhà nước ta, và căn cứ theo cơ cấu các ngành kinh tế quốc dân, các Bộ quản lý những ngành kinh tế kỹ thuật được trao đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm để thực hiện sự quản lý Nhà nước đối với những ngành kinh tế kỹ thuật ấy. Sự quản lý Nhà nước của Bộ được thực hiện trong phạm vi cả nước đối với toàn bộ quá trình tái sản xuất mở rộng ngành và đối với tất cả những đơn vị kinh tế cùng ngành, không phân biệt những đơn vị ấy thuộc hình thức sở hữu nào và trực thuộc cơ quan Nhà nước hay cấp chính quyền nào. Mức độ và nội dung cụ thể của sự quản lý của Bộ đối với toàn ngành trong cả nước là tùy theo tính chất, trình độ phát triển và tổ chức sản xuất của mỗi ngành. Sự chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ hoặc của Phó thủ tướng giúp Thủ tướng, sự quản lý theo chức năng của các Bộ hoặc Ủy ban Nhà nước như Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính, Ủy ban Vật giá..., và trách nhiệm tập thể của Hội đồng Chính phủ không hạn chế vai trò và làm giảm nhẹ trách nhiệm cá nhân của Bộ trưởng quản lý các ngành kinh tế-kỹ thuật mà trái lại là

tạo những điều kiện giúp cho Bộ và Bộ trưởng quản lý các ngành kinh tế—kỹ thuật phát huy vai trò của mình, làm đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của mình.

Các nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của Bộ trưởng là một khối thống nhất và tương xứng với nhau : Bộ trưởng được giao đủ quyền hạn để làm tròn nhiệm vụ và phải gánh vác toàn bộ trách nhiệm về việc thực hiện các nhiệm vụ và sử dụng đúng các quyền hạn của mình.

Điều 2. — Bộ trưởng phải thực hiện sự quản lý Nhà nước có chất lượng khoa học cao và có hiệu quả kinh tế lớn, nhằm giải quyết những vấn đề cơ bản và chủ yếu của việc xây dựng kế hoạch và chỉ đạo hoàn thành kế hoạch hàng năm, cũng như đối với sự phát triển của ngành hoặc lĩnh vực công tác được giao.

Sự quản lý Nhà nước của Bộ trưởng nhằm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc, phục vụ và tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển và sự hoạt động của các đơn vị kinh tế cơ sở là những đơn vị tự chịu trách nhiệm, kinh doanh theo nguyên tắc hạch toán kinh tế và có tư cách pháp nhân. Bộ trưởng không trực tiếp kinh doanh và cũng không chỉ đạo có tính chất tác nghiệp hoạt động kinh doanh của các đơn vị kinh tế trực thuộc.

Trong quá trình đưa nền kinh tế tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, căn cứ vào yêu cầu khách quan của việc chuyên môn hóa, tích tụ, hợp tác và liên hợp sản xuất trong các ngành khác nhau, Bộ tổ chức những hình thức liên hiệp sản xuất, gọi là những liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh hoặc những xí nghiệp liên hợp, để thực hiện tổ chức sản xuất, kinh doanh và quản lý theo ngành.

Điều 3. — Bộ trưởng tôn trọng và phát huy đầy đủ vai trò của Ủy ban hành chính tỉnh trong việc xây dựng và quản lý ngành kinh tế-kỹ thuật mà Bộ trưởng là người đứng đầu trong cả nước, theo một sự phân định nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm cụ thể giữa Bộ trưởng với Ủy ban hành chính tỉnh, căn cứ vào tầm quan trọng, đặc điểm kinh tế-kỹ thuật và trình độ phát triển của mỗi ngành.

Điều 4. — Công tác quản lý kinh tế của Nhà nước lấy kế hoạch làm trung tâm.

Phải hết sức coi trọng kế hoạch hàng năm, nhằm đáp ứng các nhu cầu trước mắt về đời sống nhân dân và về tái sản xuất mở rộng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời, phải hết sức coi trọng kế hoạch dài hạn, nhằm xây dựng cơ cấu kinh tế mới theo đúng đường lối kinh tế của Đảng. Kế hoạch hàng năm gắn liền với kế hoạch dài hạn, vừa đáp ứng các yêu cầu trước mắt, vừa thể hiện đúng hướng phát triển lâu dài của nền kinh tế quốc dân.

Kế hoạch Nhà nước phải dựa trên cơ sở khoa học và kỹ thuật tiến bộ, phải được cân đối vững chắc, tích cực và toàn diện, nắm chắc yêu cầu và khả năng, thống nhất kế hoạch hiện vật với kế hoạch giá trị.

Phải vận dụng đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác kế hoạch hóa, kết hợp kế hoạch hóa theo ngành và kế hoạch hóa theo lãnh thổ, nâng cao quyền hạn và trách nhiệm của Bộ về kế hoạch hóa theo ngành, đồng thời mở rộng quyền hạn và trách nhiệm chủ động của chính quyền địa phương và của các đơn vị cơ sở trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch.

Điều 5. — Trên cơ sở năm vững kế hoạch là trung tâm, công tác quản lý kinh tế phải tích cực thực hiện chế độ hạch toán kinh tế, tất cả các đơn vị kinh tế trong mọi hoạt động đều phải tính toán đầy đủ và so sánh chi phí với hiệu quả, tận dụng mọi năng lực sản xuất hiện có nhằm thúc đẩy sản xuất phát triển, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm, hạ giá thành, tăng doanh lợi xã hội chủ nghĩa, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước, đem lại lợi ích kinh tế ngày càng tăng cho nền kinh tế quốc dân.

Phải phát huy đúng mức vai trò quan trọng của hệ thống các đòn bẩy kinh tế, phục vụ và thúc đẩy việc hoàn thành tốt kế hoạch Nhà nước. Đề vận dụng đúng đắn các đòn bẩy kinh

tế, phải thực hiện nghiêm chỉnh các chính sách và chế độ quản lý do Chính phủ và các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành, thể hiện sự thống nhất lợi ích giữa toàn xã hội, tập thể và cá nhân người lao động, nhằm đòi hỏi và khuyến khích mỗi ngành, mỗi đơn vị làm đầy đủ trách nhiệm, mỗi người lao động làm tốt nghĩa vụ, đạt năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao.

Điều 6. — Hội đồng Chính phủ quản lý nền kinh tế quốc dân bằng pháp chế Nhà nước, thông qua một hệ thống luật pháp thống nhất, bao gồm các đạo luật, các pháp lệnh, các chế độ, tiêu chuẩn, quy chế của Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước phải sử dụng pháp chế Nhà nước, pháp chế kinh tế như là những công cụ tổ chức sắc bén để tổ chức và chỉ đạo thực hiện đường lối, chính sách của Đảng, các kế hoạch và các nhiệm vụ công tác của Nhà nước một cách có hiệu lực. Các cơ quan Nhà nước phải thường xuyên chăm lo bảo vệ và phát triển nền pháp chế xã hội chủ nghĩa thống nhất, thường xuyên giáo dục và nâng cao tình độ hiểu biết về pháp chế cho nhân dân, hướng dẫn và bắt buộc mọi tổ chức, mọi người phải chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp của Nhà nước. Các cơ quan Nhà nước tự mình phải chấp hành nghiêm chỉnh luật pháp Nhà nước, tôn trọng đầy đủ các quyền dân chủ và các quyền lợi vật chất và tinh thần của nhân dân do luật pháp quy định.

Điều 7. — Bộ trưởng phụ trách các ngành kinh tế-kỹ thuật có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm :

1. Nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ quyết định các quy hoạch, dự đoán phát triển ngành được phân bổ hợp lý ở các vùng, nhằm thực hiện tái sản xuất mở rộng không ngừng và đưa ngành nhanh chóng tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa trên cơ sở khoa học kỹ thuật không ngừng tiến bộ.

2. Xây dựng kế hoạch hàng năm và kế hoạch dài hạn của ngành từ đầu tư xây dựng cơ bản đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ; lập bảng cân đối sản phẩm toàn ngành, bảo đảm cân đối giữa nguồn cung cấp và nhu cầu đối với những sản phẩm chủ yếu của ngành, bao gồm cả xuất khẩu và nhập khẩu.

3. Thực hiện đường lối, chính sách kỹ thuật thống nhất trong toàn ngành. Chỉ đạo công tác nghiên cứu và phát triển khoa học và kỹ thuật, công tác xây dựng và thực hiện kế hoạch tiến bộ kỹ thuật trong ngành ; xây dựng các tiêu chuẩn, định mức, các quy trình, quy phạm, áp dụng cho toàn ngành trong cả nước.

4. Nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ quyết định hoặc tự mình quyết định trong phạm vi quyền hạn được giao những chính sách, chế độ quản lý áp dụng cho toàn ngành trong cả nước.

5. Xây dựng những đơn vị, xí nghiệp hay liên hiệp các xí nghiệp, những cơ quan và tổ chức trực thuộc Bộ.

6. Lập các quan hệ kinh tế, văn hóa và khoa học kỹ thuật với nước ngoài theo đúng luật pháp và chế độ của Nhà nước, bảo đảm thực hiện những trách nhiệm và quyền lợi của Chính phủ nước Việt-nam dân chủ cộng hòa thuộc về ngành mình trong các hiệp ước, hiệp định và hợp đồng đã ký kết với nước ngoài.

7. Tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công nhân cho ngành.

8. Duyệt các dự án kế hoạch của đơn vị kinh tế trực thuộc (liên hiệp các xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, xí nghiệp độc lập, công ty...) và chỉ đạo các đơn vị ấy thực hiện kế hoạch Nhà nước theo chế độ hạch toán kinh tế.

9. Hướng dẫn, giúp đỡ Ủy ban hành chính tỉnh và chỉ đạo các sở, ty chuyên môn ở cấp tỉnh xây dựng và thực hiện kế hoạch ngành ở địa phương.

10. Chỉ đạo và kiểm tra đôn đốc trong toàn ngành việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, việc chấp hành pháp luật và các chính sách, chế độ quản lý của Nhà nước.

Phạm vi quản lý toàn ngành của Bộ chủ quản về những mặt trên đối với những đơn vị cùng ngành nhưng thuộc Bộ khác quản lý sẽ được quy định riêng cho từng ngành, tùy theo trình độ tích tụ và chuyên môn hóa và tùy theo phạm vi phân ngành kinh tế-kỹ thuật của những ngành ấy.

Điều 8. — Bộ trưởng phụ trách các cơ quan quản lý chức năng (kế hoạch, tài chính, giá v.v...) phải làm đúng và đầy đủ chức năng quản lý tổng hợp các lĩnh vực công tác được phân công, nhằm phục vụ đắc lực các ngành, các cấp, các đơn vị kinh tế trong việc thi hành các nhiệm vụ của Nhà nước, theo đúng đường lối, chính sách của Đảng, kế hoạch, luật pháp và chế độ của Nhà nước. Bộ trưởng phụ trách các cơ quan quản lý chức năng có nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm :

1. Nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ quyết định những phương hướng, nhiệm vụ phát triển nền kinh tế quốc dân, những chính sách, chế độ quản lý Nhà nước, nhằm bảo đảm sự phát triển có kế hoạch cân đối, vững chắc, tốc độ nhanh và hiệu quả cao của nền kinh tế quốc dân.

2. Giúp Hội đồng Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ trong việc chỉ đạo các Bộ, các ngành, các Ủy ban hành chính tỉnh xây dựng kế hoạch hàng năm và dài hạn ; thăm tra và góp ý kiến vào các dự án kế hoạch đó trong phạm vi trách nhiệm của mình.

3. Bảo đảm cân đối các phương tiện và các điều kiện cho các Bộ, các ngành, các Ủy ban hành chính tỉnh thực hiện nhiệm vụ theo đúng kế hoạch Nhà nước và các chế độ quản lý hiện hành.

4. Tham gia ý kiến với các Bộ khác nghiên cứu các đề án chính sách và chế độ quản lý có liên quan tới lĩnh vực công tác mình phụ trách trước khi các đề án đó được trình ra Hội đồng Chính phủ.

5. Trình bày những kiến nghị với Thủ tướng Chính phủ trong phạm vi trách nhiệm của mình khi có những yêu cầu mới ngoài kế hoạch của các Bộ, các ngành, các Ủy ban hành chính tỉnh.

6. Kiểm tra và thanh tra việc thực hiện kế hoạch Nhà nước, việc chấp hành các chính sách, chế độ ở các Bộ, các ngành, các cấp về lĩnh vực công tác mình phụ trách. Kiến nghị với Hội đồng Chính phủ hoặc với các Bộ những biện pháp thuộc lĩnh vực công tác mình phụ trách nhằm khắc phục những nhược điểm và khuyết điểm, bảo đảm thực hiện tốt và nhanh chóng mọi nhiệm vụ của các Bộ, các ngành, các cấp.

Chương II

VỀ KẾ HOẠCH HÓA

Điều 9. — Toàn bộ công tác kế hoạch hóa phải tiến hành đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa sự lãnh đạo tập trung thống nhất của trung ương về các mặt chủ yếu, các khâu cơ bản nhất của quá trình tái sản xuất xã hội với việc tăng cường trách nhiệm, mở rộng quyền hạn để phát huy cao độ tinh thần làm chủ, tính tích cực và sáng tạo của các ngành, các địa phương và các đơn vị cơ sở.

Phải ra sức nâng cao chất lượng kế hoạch hàng năm bằng cách xác định đúng đắn các nhu cầu của đời sống và của sản xuất, và nắm thật vững các khả năng hiện có, trên cơ sở đó mà tìm mọi cách phát huy đến mức cao nhất các khả năng, nhằm đáp ứng tốt các nhu cầu. Phải cân đối một cách vững chắc giữa khả năng hiện thực và nhu cầu trong kế hoạch hàng năm, trong kế hoạch quý và trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch hàng tháng.

Kế hoạch dài hạn phải thể hiện được phương hướng xây dựng cơ cấu kinh tế mới theo đúng đường lối phát triển kinh tế của Đảng.

Điều 10.— Ủy ban Kế hoạch Nhà nước là cơ quan trung ương của Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm nghiên cứu và chuẩn bị cho cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước quyết định một cách có căn cứ khoa học các vấn đề cơ bản của sự phát triển có kế hoạch cân đối và có hiệu quả của nền kinh tế quốc dân ; biến những quyết định chiến lược ấy thành những kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm. Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Nghiên cứu cơ cấu phát triển nền kinh tế quốc dân theo đúng đường lối kinh tế của Đảng ; hướng dẫn các ngành, các địa phương xây dựng các dự đoán phát triển kinh tế và khoa học kỹ thuật, các dự án phân bổ lực lượng sản xuất.

2. Nghiên cứu, chuẩn bị dự án số kiểm tra kế hoạch Nhà nước 5 năm và hàng năm trình Thường vụ Hội đồng Chính phủ, chỉ đạo các ngành, các địa phương xây dựng kế hoạch theo số kiểm tra đã được ban hành.

3. Nghiên cứu và tổng hợp dự án kế hoạch của các ngành, các địa phương thành dự án kế hoạch Nhà nước, bảo đảm kế hoạch được cân đối vững chắc, thống nhất về mặt liên vật và giá trị, đưa nền kinh tế quốc dân phát triển cân đối vững chắc, tốc độ nhanh và hiệu quả kinh tế cao.

Chủ trì các hội nghị thảo luận bảo vệ kế hoạch ngành và kế hoạch địa phương do đại diện các Bộ, các Ủy ban hành chính trình bày, có đại diện các Bộ chức năng tham gia.

4. Nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ phương pháp kế hoạch hóa, hệ thống cân đối kế hoạch, hệ thống chỉ tiêu kế hoạch phù hợp với yêu cầu tăng cường và cải tiến quản lý của từng thời kỳ, theo hướng nâng cao trách nhiệm và phát huy quyền làm chủ tập thể của các ngành, các địa phương và cơ sở, quy định rõ trách nhiệm cân đối và xét duyệt cân đối của mỗi cấp.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trực tiếp xây dựng những bảng cân đối tổng hợp quan trọng nhất trình Hội đồng Chính phủ quyết định; được Hội đồng Chính phủ ủy quyền duyệt những bảng cân đối do các Bộ, các Ủy ban hành chính địa phương lập theo một danh mục quy định. Những bảng cân đối không thuộc danh mục Nhà nước thống nhất quản lý thì do các Bộ, các Ủy ban hành chính tỉnh xét duyệt.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước nghiên cứu và phát biểu ý kiến của mình về các bảng cân đối tổng hợp và các kế hoạch khác do các Bộ quản lý chức năng xây dựng như : dự toán ngân sách Nhà nước, cân đối tín dụng, cân đối tiền mặt, cân đối thu chi ngoại tệ, cân đối thanh toán quốc tế v.v... trước khi các cơ quan này trình Hội đồng Chính phủ quyết định.

5. Nghiên cứu phương hướng và cơ cấu đầu tư xây dựng cơ bản trình Hội đồng Chính phủ quyết định; thẩm tra và lập tờ trình về các dự án nhiệm vụ thiết kế các công trình trên hạn ngạch do các Bộ chuẩn bị trình Thủ tướng Chính phủ duyệt; thẩm tra danh mục các công trình dưới hạn ngạch do các Bộ, các Ủy ban hành chính tỉnh duyệt để bảo đảm các công trình đó phù hợp với phương hướng của Nhà nước.

6. Nghiên cứu phương hướng kế hoạch phát triển kinh tế với nước ngoài và cân đối tổng hợp kế hoạch đó trình Hội đồng Chính phủ quyết định; theo dõi việc thực hiện kế hoạch kinh tế đối ngoại.

7. Xây dựng kế hoạch dự trữ Nhà nước, nghiên cứu những vấn đề kinh tế kết hợp với quốc phòng, nghiên cứu và chuẩn bị kế hoạch động viên thời chiến và trình Hội đồng Chính phủ quyết định.

8. Theo dõi, phân tích và đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước ; kịp thời kiến nghị với Hội đồng Chính phủ những biện pháp nhằm khai thác tốt các tiềm lực kinh tế, điều hòa sự phân phối các nguồn vật tư, sức lao động, tiền vốn và khắc phục những sự mất cân đối tạm thời trong quá trình thực hiện kế hoạch năm và hàng quý.

9. Trong trường hợp cần thiết, nghiên cứu trình Chính phủ điều chỉnh một số cân đối và một số chỉ tiêu chủ yếu về kế hoạch của các ngành, các địa phương nhằm bảo đảm cho các ngành, các địa phương thực hiện tốt kế hoạch Nhà nước hàng quý và hàng tháng.

10. Nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chế độ công tác kế hoạch hóa ; được Hội đồng Chính phủ ủy quyền ban hành các chế độ cụ thể và phương pháp kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân và phối hợp các ngành, các địa phương ban hành phương pháp kế hoạch hóa các ngành, các cấp và cơ sở.

Điều 11. — Khi số kiểm tra kế hoạch Nhà nước đã được quyết định, Thủ tướng Chính phủ giao số kiểm tra kế hoạch toàn ngành cho Bộ trưởng.

Số kiểm tra kế hoạch toàn ngành giao cho Bộ, gồm phần kinh tế ngành trực thuộc Bộ quản lý, có đủ các chỉ tiêu pháp lệnh và một số chỉ tiêu tính toán hiện vật và giá trị, và phần kinh tế ngành do Ủy ban hành chính trực tiếp quản lý theo một số chỉ tiêu chọn lọc về sản xuất, lưu thông, kỹ thuật... theo một danh mục chỉ tiêu quy định riêng cho từng ngành.

Đồng thời Thủ tướng Chính phủ giao số kiểm tra kế hoạch địa phương cho Ủy ban hành chính tỉnh gồm các chỉ tiêu pháp lệnh và một số chỉ tiêu tính toán thống nhất về hiện vật và giá trị, trong phạm vi danh mục các sản phẩm, các nhiệm vụ công tác và các chỉ tiêu do trung ương thống nhất quản lý về sản xuất, xây dựng, phân bổ sức lao động, lưu thông phân phối, văn hóa, xã hội và đời sống...

Điều 12. — Các Bộ chịu trách nhiệm chủ động xây dựng phương hướng kế hoạch, các cân đối, các chỉ tiêu cụ thể về phát triển kế hoạch toàn ngành mà mình phụ trách. Kế hoạch toàn ngành bao gồm phần do Bộ trực tiếp quản lý và phần do Ủy ban hành chính tỉnh trực tiếp quản lý (cả khu vực quốc doanh và khu vực tập thể).

Căn cứ vào số kiểm tra của kế hoạch Nhà nước và phương hướng phát triển ngành, Bộ giao số kiểm tra kế hoạch toàn diện cho các xí nghiệp, tổ chức, cơ quan và các đơn vị kinh tế trung ương trực thuộc Bộ, và chỉ đạo việc xây dựng kế hoạch từ cơ sở lên, thống nhất về kế hoạch hiện vật và kế hoạch giá trị. Bộ hướng dẫn các đơn vị trực thuộc ký kết hợp đồng kinh tế với các đơn vị khác...

Căn cứ vào số kiểm tra kế hoạch ngành do Chính phủ giao cho Bộ về phần kinh tế do địa phương trực tiếp quản lý (thống nhất với số kiểm tra do Chính phủ giao cho các Ủy ban hành chính tỉnh), Bộ chỉ đạo và hướng dẫn các sở, ty chuyên môn của tỉnh xây dựng kế hoạch ngành ở địa phương về mặt sản xuất, kỹ thuật, lưu thông... theo những tiêu chuẩn, định mức chung của Nhà nước và của ngành.

Bộ tổng hợp dự án kế hoạch của các đơn vị trực thuộc và các chỉ tiêu chọn lọc của kế hoạch các sở, ty thành dự án kế hoạch toàn ngành, lập một số bảng cân đối sản phẩm toàn ngành từ sản xuất đến tiêu thụ theo danh mục Hội đồng Chính phủ quy định. Dự án đó gửi đến Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Đối với những ngành mà trình độ tích tụ và chuyên môn hóa tương đối cao, được tổ chức thành liên hiệp các xí nghiệp hay xí nghiệp liên hợp lớn trực thuộc Bộ, thì Bộ dựa vào tổ chức liên hợp đó xem là đơn vị kế hoạch ngành.

Đối với những ngành mà trình độ tích tụ và chuyên môn hóa cho phép Bộ chủ quản quản lý một bộ phận quan trọng sản lượng của toàn ngành, thì Bộ chủ quản tổng hợp kế hoạch toàn ngành theo những chỉ tiêu chọn lọc đối với cả những đơn vị kinh tế thuộc Bộ khác quản lý.

Đối với những ngành mà trình độ tích tụ và chuyên môn hóa thấp, Bộ chủ quản chỉ quản lý một phần sản lượng toàn ngành, thì việc tổng hợp kế hoạch toàn ngành đối với các đơn vị kinh tế thuộc Bộ khác quản lý sẽ do Ủy ban Kế hoạch Nhà nước đảm nhiệm, có sự tham gia và phối hợp của Bộ chủ quản.

Điều 13. — Ủy ban hành chính tỉnh, căn cứ vào đường lối và phương hướng của trung ương, số kiểm tra kế hoạch Nhà nước, sự chỉ đạo và hướng dẫn của các Bộ và sự thông báo của các Bộ về dự án kế hoạch phát triển các cơ sở kinh tế của trung ương ở lãnh thổ, chủ động xây dựng kế hoạch phát triển toàn diện trong địa phương; cụ thể là:

1. Tham gia với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trong phạm vi lãnh thổ, làm cho mỗi tỉnh trở thành một đơn vị chính trị và kinh tế vững mạnh dưới sự chỉ đạo tập trung thống nhất của trung ương.

2. Xây dựng kế hoạch địa phương bao gồm các ngành và các lĩnh vực do địa phương trực tiếp quản lý; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của địa phương đối với trung ương (về cung cấp lao động, vật tư, lương thực, thực phẩm và hàng hóa khác v.v...) đồng thời đáp ứng tốt nhất các nhu cầu về đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân trong địa phương, bao gồm cả cán bộ, công nhân viên thuộc các ngành, các cơ sở của trung ương đặt tại địa phương.

3. Xem xét các dự án kế hoạch, các yêu cầu và các hoạt động kinh tế của các đơn vị kinh tế trung ương đặt tại địa phương để phối hợp hoạt động về các mặt có liên quan đến đời sống kinh tế, văn hóa, xã hội ở địa phương và để bảo đảm các điều kiện lao động, sinh hoạt cho các xí nghiệp.

4. Tham gia ý kiến với các Bộ về quy hoạch phát triển ngành ở địa phương, mở rộng, thu hẹp, bãi bỏ, di chuyển các đơn vị trung ương đặt tại địa phương.

5. Giao số kiểm tra kế hoạch ngành ở địa phương cho các sở, ty đồng thời giao số kiểm tra cho Ủy ban hành chính huyện để các cơ quan này chỉ đạo các đơn vị kinh tế cơ sở xây dựng kế hoạch, ký kết hợp đồng kinh tế.

6. Tổng hợp dự án kế hoạch của các huyện và dự án kế hoạch theo ngành của các ty, sở thành kế hoạch phát triển kinh tế, văn hóa toàn diện của địa phương, sau khi đã có ý kiến của các Bộ trung ương, và gửi dự án kế hoạch đó đến Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Điều 14. — Xí nghiệp (quốc doanh hay tập thể) là đơn vị kinh tế cơ sở tự chịu trách nhiệm, kinh doanh theo nguyên tắc hạch toán kinh tế và có tư cách pháp nhân.

Kế hoạch của đơn vị kinh tế cơ sở (xí nghiệp công nghiệp quốc doanh, hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp, nông nghiệp, nông trường, lâm trường, xí nghiệp liên hợp...) là khâu cơ bản trong hệ thống kế hoạch hóa nền kinh tế quốc dân.

Trên cơ sở chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, Bộ có quyền phân bổ các chỉ tiêu kế hoạch và xét duyệt kế hoạch sản xuất-kỹ thuật-tài chính cho các tổ chức kinh tế và đơn vị xí nghiệp trực thuộc; hướng dẫn xí nghiệp đặt kế hoạch sản xuất những sản phẩm không dự kiến trong kế hoạch Nhà nước.

Theo các nhiệm vụ kế hoạch Nhà nước và để bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu pháp lệnh do cấp trên giao, kế hoạch của các đơn vị cơ sở phải được xây dựng trên cơ sở tận dụng các năng lực sản xuất hiện có và phát huy quyền làm chủ tập thể của quần chúng lao động ở xí nghiệp, bảo đảm kế hoạch được cân đối vững chắc, đưa nền kinh tế quốc dân phát triển với tốc độ nhanh và có hiệu quả cao.

Các Bộ có trách nhiệm ổn định phương hướng sản xuất và kinh doanh của xí nghiệp; bảo đảm các điều kiện vật chất cần thiết cân đối với nhiệm vụ được giao, nhất là bảo đảm cung ứng những vật tư do Nhà nước thống nhất quản lý; tăng cường chế độ hạch toán kinh tế và bảo đảm thống nhất kế hoạch hiện vật và kế hoạch giá trị.

Điều 15.— Trong trường hợp có tổ chức liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh, thì giám đốc liên hiệp các xí nghiệp chỉ đạo trực tiếp các xí nghiệp thành viên xây dựng và thực hiện kế hoạch của từng xí nghiệp thành viên ; đồng thời giám đốc liên hiệp các xí nghiệp tổng hợp kế hoạch của các xí nghiệp thành viên, xây dựng kế hoạch của toàn liên hiệp và chịu trách nhiệm thực hiện kế hoạch đó theo chế độ hạch toán kinh tế, Bộ duyệt dự án kế hoạch của liên hiệp các xí nghiệp và chỉ đạo liên hiệp các xí nghiệp thực hiện kế hoạch.

Sự quản lý đối với ngành thực hiện theo ba khâu : Bộ — liên hiệp các xí nghiệp — xí nghiệp (hay xí nghiệp liên hợp).

Trong trường hợp chưa có hoặc không có tổ chức liên hiệp các xí nghiệp, Bộ chỉ đạo trực tiếp các xí nghiệp độc lập thuộc Bộ xây dựng và thực hiện kế hoạch theo chế độ hạch toán kinh tế. Sự quản lý đối với ngành thực hiện theo 2 khâu : Bộ — xí nghiệp (hay xí nghiệp liên hợp).

Điều 16.— Các Bộ chịu trách nhiệm chuẩn bị kế hoạch đầu tư để thực hiện tái sản xuất mở rộng toàn ngành trong phạm vi cả nước ; tiến hành công tác chuẩn bị đầu tư về thực hiện đầu tư trong ngành hay lĩnh vực mình phụ trách, đề nghị với Chính phủ về kế hoạch đầu tư mở rộng ngành bằng vốn ngân sách Nhà nước, có chứng minh đầy đủ hiệu quả kinh tế, thì hành đúng kế hoạch đầu tư, các chế độ, thủ tục về đầu tư của Nhà nước.

Công tác chuẩn bị đầu tư phải tiến hành trên cơ sở :

- Ứng dụng những tiến bộ khoa học và kỹ thuật mới nhất ;
- Tận dụng tài sản cố định hiện có ;
- Bảo đảm lợi ích kinh tế rõ rệt ;
- Đầu tư theo ngành, được phân bố hợp lý trên các vùng.

Điều 17.— Trên cơ sở kế hoạch đầu tư dài hạn, các Bộ chuẩn bị kế hoạch đầu tư hàng năm ; kế hoạch đầu tư hàng năm chỉ được ghi những công trình trên hạn ngạch mà cơ quan giám định đầu tư của Nhà nước đã thẩm tra và Thủ tướng Chính phủ đã xét duyệt nhiệm vụ thiết kế, đồng thời phải có thiết kế sơ bộ và khái toán được duyệt, trừ trường hợp ngoại lệ do Thủ tướng Chính phủ quy định.

Điều 18.— Các Bộ, Ủy ban hành chính tỉnh xét duyệt các bản nhiệm vụ thiết kế, thiết kế sơ bộ và khái toán những công trình dưới hạn ngạch trực thuộc Bộ hay địa phương mà không thuộc diện Hội đồng Chính phủ xét duyệt.

Về địa điểm của các công trình trực thuộc Bộ, để bảo đảm tính hợp lý của các quy hoạch thành phố và khu công nghiệp trên lãnh thổ, Bộ bàn bạc và thỏa thuận với Ủy ban hành chính tỉnh ; nếu không thỏa thuận giữa hai bên thì Thủ tướng Chính phủ quyết định.

Điều 19.— Khi kế hoạch Nhà nước được quyết định chính thức, Hội đồng Chính phủ giao kế hoạch toàn ngành cho Bộ trưởng, giao kế hoạch toàn diện của địa phương cho Ủy ban hành chính tỉnh theo như nội dung và phạm vi đã nói ở điều 11.

Những chỉ tiêu về sức lao động, vật tư, tiền vốn của Nhà nước cung cấp để bảo đảm thực hiện kế hoạch của các đơn vị do Bộ trực tiếp quản lý đều ghi vào kế hoạch và ngân sách của Bộ, có phân chia theo ngành kinh tế-kỹ thuật.

Những chỉ tiêu về sức lao động, vật tư, tài chính của Nhà nước cung cấp để bảo đảm thực hiện kế hoạch kinh tế địa phương đều ghi vào kế hoạch và ngân sách địa phương, có chia theo ngành kinh tế-kỹ thuật.

Điều 20.— Các Bộ, các Ủy ban hành chính tỉnh có nhiệm vụ truyền đạt kế hoạch chính thức cho các đơn vị trực thuộc trước khi bắt đầu năm kế hoạch, bao gồm cả kế hoạch hiện vật và kế hoạch giá trị, bảo đảm cân đối đầy đủ các mặt đề các đơn vị cơ sở có đủ điều kiện đầy mạnh sản xuất, kinh doanh từ ngày đầu, tháng đầu, quý đầu của kế hoạch và kịp thời điều chỉnh lại hợp đồng kinh tế đã ký kết.

Hội đồng trọng tài kinh tế phối hợp với các Bộ, Ủy ban hành chính tỉnh, đơn đốc và kiểm tra việc ký kết hợp đồng và, theo thẩm quyền của mình, xử lý các vụ vi phạm chế độ ký kết hợp đồng và vi phạm các hợp đồng đã ký kết theo luật pháp hiện hành.

Điều 21.— Các Bộ có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện kế hoạch toàn ngành.

Bộ chỉ đạo thực hiện kế hoạch toàn diện đối với các đơn vị xí nghiệp, tổ chức, cơ quan trực thuộc Bộ, đề ra các biện pháp tích cực nhằm khai thác đầy đủ các khả năng tiềm tàng của cơ sở, khắc phục những sự mất cân đối tạm thời nhằm hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch Nhà nước.

Trong trường hợp thật cần thiết, trên cơ sở tôn trọng chế độ tự chịu trách nhiệm của các đơn vị kinh doanh và để bảo đảm thực hiện toàn bộ hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước, Bộ có quyền điều hòa sức lao động, vật tư, tiền vốn do Nhà nước cung cấp trong kỳ kế hoạch giữa các đơn vị trực thuộc Bộ trong phạm vi cùng ngành kinh tế-kỹ thuật.

Trong trường hợp thật cần thiết mà Bộ muốn xin điều chỉnh kế hoạch thuộc diện những chỉ tiêu pháp lệnh mà Chính phủ đã giao cho Bộ, thì Bộ phải bàn bạc thống nhất với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định vào tháng 6 năm kế hoạch.

Bộ thông qua các sở, ty chuyên môn để chỉ đạo và kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch ngành ở địa phương theo quy định của điều 18 trong Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ.

Trong trường hợp thật cần thiết mà Bộ muốn xin điều chỉnh kế hoạch thuộc diện những chỉ tiêu pháp lệnh của ngành do địa phương trực tiếp quản lý, có liên quan đến cân đối toàn ngành, nếu thuộc diện những chỉ tiêu pháp lệnh mà Chính phủ đã giao cho Chủ tịch Ủy ban hành chính tỉnh thì Bộ phải bàn bạc thống nhất với Ủy ban hành chính tỉnh và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước để trình Thủ tướng Chính phủ quyết định vào tháng 6 năm kế hoạch.

Điều 22.— Ủy ban hành chính tỉnh có trách nhiệm chỉ đạo thực hiện kế hoạch Nhà nước ở địa phương mình : trực tiếp chỉ đạo thực hiện kế hoạch toàn diện đối với các ngành, các cấp, các lĩnh vực công tác thuộc địa phương quản lý ; điều hòa, phối hợp hoạt động giữa các ngành, các lĩnh vực trong địa phương, nhằm bảo đảm hoàn thành và hoàn thành vượt mức nghĩa vụ đối với trung ương và các nhiệm vụ sản xuất và đời sống trong địa phương.

Trong trường hợp thật cần thiết, trên cơ sở bảo đảm thực hiện toàn bộ hệ thống chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước, Ủy ban hành chính tỉnh có quyền tạm thời phân phối ưu tiên sức lao động, vật tư, tiền vốn cho một số ngành của địa phương cần được tập trung phương tiện để hoàn thành kế hoạch với hiệu quả tối ưu, và báo cáo cho các Bộ sở quan biết.

Trong trường hợp thật cần thiết mà Ủy ban hành chính tỉnh muốn xin điều chỉnh kế hoạch địa phương thuộc diện những chỉ tiêu pháp lệnh Nhà nước và thuộc phạm vi thống nhất quản lý toàn ngành của Bộ, thì Ủy ban hành chính tỉnh báo cáo với Bộ chủ quản và Ủy ban Kế hoạch Nhà nước để thống nhất trình Thủ tướng Chính phủ quyết định vào tháng 6 năm kế hoạch.

Ủy ban hành chính tỉnh chỉ đạo các ngành, các cấp trong địa phương cung cấp nhân lực, nguyên liệu và vật liệu địa phương cho các đơn vị kinh tế trung ương đặt tại địa phương theo đúng chỉ tiêu pháp lệnh của kế hoạch Nhà nước ; kiểm tra tình hình chấp hành các chính sách, luật pháp, chế độ Nhà nước của tất cả các đơn vị kinh tế hoạt động trong địa phương.

Chương III

QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, NGÂN HÀNG, GIÁ CẢ

Điều 23.— Bộ Tài chính là cơ quan trung ương của Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm thống nhất quản lý Nhà nước đối với nền tài chính quốc gia ; kế hoạch hóa, cân đối và kiểm tra, thanh tra tài chính Nhà nước trong phạm vi cả nước. Bộ Tài chính có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Nghiên cứu, tính toán nhu cầu tài chính của Nhà nước và dự đoán sự phát triển của nền tài chính Nhà nước, lập bảng cân đối tài chính Nhà nước tổng hợp ; trên cơ sở đó, tham gia ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ về tốc độ phát triển và tỷ lệ cân đối của các ngành kinh tế quốc dân ; dự thảo phương hướng và những biện pháp động viên và phân phối vốn tài chính, kiến nghị những định mức doanh lợi đối với các ngành kinh tế, kiến nghị quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng.

2. Lập sổ kiểm tra thu — chi tài chính của Nhà nước đề trình Hội đồng Chính phủ quyết định và giao cho các ngành, các địa phương cùng một lần với sổ kiểm tra kế hoạch kinh tế quốc dân.

3. Tổng hợp dự án kế hoạch tài chính của các ngành và các địa phương, lập dự toán ngân sách Nhà nước cùng một lần với dự án kế hoạch Nhà nước ; lập dự án kế hoạch thu chi ngoại tệ, lập bảng cân đối thanh toán quốc tế ; quản lý công tác bảo hiểm của Nhà nước.

4. Tham gia vào việc xây dựng các kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân của các ngành và của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước để bảo đảm kế hoạch thống nhất giữa hiện vật và giá trị, bảo đảm hiệu quả vốn của Nhà nước.

5. Tham gia ý kiến vào các kế hoạch tín dụng, kế hoạch tiền mặt, kế hoạch giá cả, tham gia ý kiến vào việc quyết định giá cả theo những quy định của Nhà nước về quản lý giá.

6. Xây dựng các chính sách thu, các chính sách đầu tư và cấp phát ngân sách, các chế độ, thê lệ tài chính, các tiêu chuẩn, định mức chi tài chính, v.v... trình Hội đồng Chính phủ ban hành, hoặc tự ban hành trong phạm vi quyền hạn của mình ; phối hợp với Tổng cục Thống kê để xây dựng và chỉ đạo thực hiện chế độ kế toán của Nhà nước, bảo đảm tính thống nhất của hệ thống hạch toán thống nhất nền kinh tế quốc dân.

7. Quản lý quỹ ngoại hối dự trữ của Nhà nước ; tham gia xây dựng kế hoạch viện trợ, vay nợ và theo dõi việc thực hiện kế hoạch ấy ; đại diện cho Nhà nước trong những quan hệ tài chính với nước ngoài.

8. Phối hợp với các Bộ, nghiên cứu, xây dựng chế độ hạch toán kinh tế và giúp Hội đồng Chính phủ chỉ đạo thực hiện chế độ tài chính, phục vụ tốt cho các hoạt động của các Bộ, các địa phương và các đơn vị cơ sở. Hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở quốc doanh, hợp tác xã và tư nhân trong việc thực hiện nhiệm vụ kế hoạch tài chính của Nhà nước, các chính sách, chế độ tài chính, kế toán của Nhà nước.

9. Tiến hành kiểm tra và thanh tra tài chính đối với tất cả các ngành, các cấp, các đơn vị kinh tế, sự nghiệp hành chính, các xí nghiệp quốc doanh, các hợp tác xã và các cơ sở kinh doanh tư nhân ; có quyền đình chỉ cấp phát và đòi truy hoàn ngân sách Nhà nước (kể cả vốn ngoại tệ) nếu phát hiện các trường hợp vi phạm chế độ, kỷ luật tài chính Nhà nước ; chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ nếu giải quyết việc sai chính sách, chế độ, làm cản trở và gây chậm trễ cho việc thực hiện kế hoạch Nhà nước của các ngành, các địa phương

10. Nhận xét về tổng kết tài sản và phân tích hiệu quả kinh tế của các ngành, các địa phương và báo cáo với Hội đồng Chính phủ ; đề ra những biện pháp giúp các Bộ, các Ủy ban hành chính quản lý vốn và tài sản Nhà nước với hiệu quả kinh tế cao hơn, không ngừng tăng tích lũy cho Nhà nước.

Điều 24. — Ngân hàng Nhà nước Việt-nam là cơ quan trung ương của Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm thống nhất quản lý Nhà nước về công tác tín dụng, thanh toán, phát hành và quản lý tiền mặt và là cơ quan thực hiện đường lối, chính sách và nghiệp vụ tín dụng theo nguyên tắc hạch toán kinh tế. Ngân hàng Nhà nước Việt-nam có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Lập bảng cân đối tín dụng và kế hoạch tín dụng, kế hoạch thu chi tiền mặt, trình cơ quan lãnh đạo của Đảng và Nhà nước quyết định cùng một lần với dự án kế hoạch Nhà nước và ngân sách Nhà nước.

2. Thống nhất quản lý việc lưu thông tiền tệ, tín dụng và thanh toán trong nước, thực hiện tín dụng quốc tế và thanh toán với nước ngoài, quản lý quỹ ngân sách Nhà nước và quỹ tiết kiệm xã hội chủ nghĩa, quản lý quỹ ngoại hối, kiểm soát chi tiêu quỹ lương trong khu vực sản xuất, bảo quản vàng bạc, châu báu của Nhà nước theo đúng các luật pháp và chế độ tài chính của Nhà nước.

3. Tham gia ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và các Bộ khác trong việc xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế, dự án ngân sách và các bảng cân đối tài chính liên quan đến tín dụng, lưu thông tiền tệ, bảo vệ giá trị đồng tiền và nâng cao hiệu quả đồng vốn.

4. Giám đốc bằng đồng tiền các hoạt động kinh tế của các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở ; kiểm tra, xử lý các vụ vi phạm nguyên tắc và chế độ quản lý tiền tệ, tín dụng, thanh toán. Có quyền từ chối cho vay hoặc thanh toán đối với các đơn vị vi phạm chế độ và kỷ luật tín dụng và thanh toán của Nhà nước ; thực hiện chính sách và chế độ Nhà nước phân biệt đối xử về tín dụng và lợi tức để thúc đẩy các đơn vị cải tiến công tác và thực hiện kế hoạch Nhà nước có hiệu quả ; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho các đơn vị nếu do khuyết điểm của Ngân hàng gây ra.

Điều 25. — Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước thống nhất quản lý toàn bộ hệ thống Ngân hàng Nhà nước hạch toán kinh tế toàn ngành, nhằm phục vụ tốt nhất các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở (kể cả quốc doanh và hợp tác xã) ; kiểm tra và thường kỳ báo cáo phân tích hiệu quả kinh tế trong việc quản lý của các ngành, các đơn vị cơ sở và đề nghị với các Bộ, các Ủy ban hành chính và với Hội đồng Chính phủ nhiệm vụ chủ trương, biện pháp nhằm tăng cường quản lý kinh doanh, bảo đảm hiệu quả kinh tế và tài chính.

Tổng giám đốc Ngân hàng Nhà nước có quyền đòi các Bộ, các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở cung cấp và gửi cho mình, theo đúng chế độ báo cáo của Nhà nước quy định, những tài liệu, báo cáo kinh tế và tài chính cần thiết cho việc tiến hành công tác tín dụng, thanh toán và quản lý quỹ tiền mặt đối với những đơn vị ấy một cách có hiệu quả.

Điều 26. — Các Bộ có nhiệm vụ chỉ đạo việc lập dự án kế hoạch sản xuất-kỹ thuật-tài chính đối với các đơn vị trực thuộc theo chính sách, chế độ, tiêu chuẩn tài chính Nhà nước nhằm bảo đảm kịp thời khai thác mọi khả năng tiềm tàng trong ngành, bảo đảm sản xuất và kinh doanh có hiệu quả.

Bộ có trách nhiệm nghiên cứu và đề nghị với Chính phủ kế hoạch đầu tư mở rộng ngành bằng vốn ngân sách Nhà nước hoặc bằng vốn vay ngân hàng hoặc bằng vốn tự có của các xí nghiệp, chứng minh đầy đủ hiệu quả kinh tế và thời hạn thu hồi vốn đầu tư theo dự án kế hoạch đầu tư của ngành.

Dự án kế hoạch thu chi tài vụ và dự án dự toán kinh phí (kể cả kế hoạch thu, chi ngoại tệ nếu có) của ngành phải làm đồng thời với kế hoạch kinh tế và phải được báo cáo và xét duyệt cùng một lần với kế hoạch sản xuất và kinh doanh của ngành.

Bộ chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ về việc chỉ đạo thực hiện kế hoạch tài chính của các đơn vị trực thuộc, về việc sử dụng các nguồn vốn với hiệu quả cao, bảo vệ tài sản Nhà nước giao cho và chỉ đạo việc thanh lý tài sản của các xí nghiệp, tổ chức, cơ quan thuộc Bộ theo đúng chế độ quản lý tài sản của Nhà nước.

Bộ tổ chức kiểm tra thường xuyên việc thực hiện kế hoạch tài chính và việc chấp hành các chính sách, chế độ tài chính trong các đơn vị trực thuộc Bộ.

Điều 27. — Sau khi ngân sách Nhà nước đã được phê chuẩn thì các Bộ có quyền chủ động tổ chức việc chấp hành kế hoạch tài chính và dự toán kinh phí của Bộ để hoàn thành nhiệm vụ sản xuất và công tác được giao và phải lãnh đạo, đôn đốc các xí nghiệp, tổ chức cơ quan trực thuộc Bộ làm tròn nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước theo đúng các chỉ tiêu đã định trong ngân sách.

Bộ có quyền phân phối vốn và kinh phí cho các xí nghiệp, tổ chức và cơ quan trực thuộc Bộ theo mức đã dự trù trong ngân sách Nhà nước và theo đúng chế độ Nhà nước đã quy định.

Bộ không được tự ý đặt ra các chính sách, chế độ trái với quy định chung của Nhà nước hoặc tự ý tăng tổng mức các khoản chi về vốn xây dựng cơ bản, quỹ tiền lương và kinh phí sự nghiệp, hành chính đã ghi trong ngân sách, hoặc dùng vốn kinh doanh của xí nghiệp để chi tiêu vào sự nghiệp hoặc hành chính của Bộ.

Bộ có quyền điều động vốn cố định và vốn lưu động, nếu xét thật cần thiết, giữa các xí nghiệp trong cùng ngành kinh tế kỹ thuật thuộc Bộ, hoặc giữa các xí nghiệp độc lập trực thuộc Bộ, nếu xí nghiệp đó chưa áp dụng chế độ tự chủ tài chính và không có tư cách pháp nhân, đồng thời phải báo cho Bộ Tài chính.

Đối với các chủ trương mới do Bộ đề ra mà không có dự trù trong ngân sách thì Bộ có quyền chủ động điều hòa và tự sắp xếp giải quyết trong phạm vi từng loại vốn hoặc kinh phí của Bộ đã được Hội đồng Chính phủ duyệt. Nếu việc chi tiêu đó có ảnh hưởng đến việc cân đối thu chi ngân sách Nhà nước thì các Bộ phải đề nghị Bộ Tài chính xét và giải quyết. Nếu phải điều chỉnh chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước (như chỉ tiêu xây dựng cơ bản, quỹ lương, kinh phí đào tạo, v.v...) thì các Bộ phải đề nghị Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính để phối hợp giải quyết, bảo đảm sự thống nhất giữa hiện vật và giá trị. Nếu không thể sắp xếp giải quyết trong phạm vi ngân sách Nhà nước thì Bộ Tài chính đề nghị Thủ tướng Chính phủ cho sử dụng dự bị phí.

Theo chế độ của Nhà nước (sẽ quy định), Bộ được lập quỹ tập trung trích từ lợi nhuận xí nghiệp dùng để nghiên cứu và áp dụng kỹ thuật mới, khen thưởng sáng chế phát minh, hoặc để hỗ trợ tài chính cho các xí nghiệp và tổ chức thuộc Bộ về các mục đích nói trên.

Điều 28. — Bộ chịu trách nhiệm lãnh đạo xí nghiệp và liên hiệp các xí nghiệp về mặt tài chính theo chế độ tự chủ tài chính của xí nghiệp và theo đúng chế độ hạch toán kinh tế.

Bộ lãnh đạo các xí nghiệp tính toán và sử dụng các nguồn vốn của mình và vốn vay một cách tiết kiệm và có hiệu quả nhất để bảo đảm hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước và bằng nguồn thu nhập bằng tiền của bản thân mình mà bù đắp đủ các chi phí kinh doanh và có doanh lợi.

Bộ lãnh đạo các xí nghiệp làm đầy đủ nghĩa vụ nộp cho ngân sách Nhà nước đúng chế độ và đúng kế hoạch, Bộ có quyền xét duyệt kế hoạch trích lập các quỹ của xí nghiệp và kiểm

tra việc sử dụng các quỹ của xí nghiệp theo đúng chế độ tài chính của Nhà nước để mở rộng sản xuất, cải tiến kỹ thuật; hợp lý hóa sản xuất và kinh doanh, mở rộng phúc lợi tập thể và cải thiện đời sống của công nhân, viên chức của xí nghiệp, cũng như để khen thưởng và khuyến khích những người lao động.

Điều 29. — Ủy ban Vật giá Nhà nước là cơ quan trung ương của Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm thống nhất quản lý Nhà nước về lĩnh vực giá cả; xây dựng các vấn đề cơ bản và các nguyên tắc, chính sách giá cả, cũng như giúp Hội đồng Chính phủ tổ chức và quản lý thống nhất công tác giá cả trong phạm vi toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Ủy ban Vật giá Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ban hành các phương hướng, nhiệm vụ, các phương châm và nguyên tắc, các chính sách, chế độ, đề bảo đảm sự thống nhất quản lý giá cả trong phạm vi cả nước; phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và Bộ Tài chính nghiên cứu dự án kế hoạch giá cả Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tổng hợp vào kế hoạch Nhà nước và trình Hội đồng Chính phủ.

2. Ban hành những quy định cụ thể về phương pháp và nghiệp vụ, hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý giá cả của Nhà nước; kiểm tra nghiêm ngặt việc chấp hành các chính sách và chế độ quản lý giá cả trong phạm vi cả nước.

Nghiên cứu và kiến nghị với Hội đồng Chính phủ phương án giá về những sản phẩm quan trọng có quan hệ lớn đến quốc kế dân sinh.

3. Trình bày những nhận xét có căn cứ khoa học và nêu ra những đề nghị với Hội đồng Chính phủ về các phương án giá cả các sản phẩm, hàng hóa do các Bộ trình Hội đồng Chính phủ xét duyệt.

4. Được quyết định một số giá theo danh mục do Hội đồng Chính phủ quy định.

5. Tham gia ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Tài chính và các Bộ khác trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất — kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản và kế hoạch tài chính về những vấn đề liên quan đến giá cả.

6. Có quyền đòi hỏi các Bộ và các địa phương cung cấp theo chế độ báo cáo của Nhà nước quy định những số liệu chính xác, cần thiết cho việc nghiên cứu, tính toán giá thành và xây dựng phương án giá cả, và cho việc kiểm tra sự chấp hành giá cả.

7. Có quyền yêu cầu các Bộ, các địa phương và các đơn vị kinh tế hủy bỏ những quyết định của mình về giá cả trái với chính sách, chế độ giá cả và sai giá chỉ đạo của Nhà nước.

Điều 30. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Nghiên cứu và báo cáo cho Ủy ban Vật giá Nhà nước các phương án giá cả đề Ủy ban này thẩm tra và trình Hội đồng Chính phủ quyết định giá cả các sản phẩm, hàng hóa do ngành mình sản xuất.

2. Tham gia ý kiến với Ủy ban Vật giá Nhà nước trong việc nghiên cứu những chính sách, chế độ quản lý giá cả có liên quan đến ngành mình trước khi Ủy ban này trình ra Hội đồng Chính phủ.

3. Trên cơ sở các chính sách, chế độ và kế hoạch giá của Chính phủ, được quyết định một số loại giá cụ thể theo danh mục do Hội đồng Chính phủ quy định.

4. Chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc chấp hành chính sách, chế độ giá cả của Nhà nước trong ngành mình.

Điều 31. — Việc quyết định các loại giá được quy định theo một danh mục cụ thể do Ủy ban Vật giá Nhà nước đề nghị Hội đồng Chính phủ quy định:

- Loại giá do Hội đồng Chính phủ quyết định,
- Loại giá do Ủy ban Vật giá Nhà nước quyết định,
- Loại giá do các Bộ phụ trách sản xuất và kinh doanh quyết định, hoặc ủy quyền cho các liên hiệp các xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp trực thuộc Bộ quyết định,
- Loại giá do Ủy ban hành chính tỉnh quyết định.

Điều 32. — Khi Ủy ban Vật giá Nhà nước chuẩn bị trình Hội đồng Chính phủ quyết định các chính sách, chế độ quản lý giá, kế hoạch giá cả và các loại giá thuộc danh mục do Hội đồng Chính phủ quản lý, Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước đưa ra một Hội đồng vật giá Nhà nước thảo luận trước khi trình Hội đồng Chính phủ.

Hội đồng vật giá Nhà nước gồm :

- Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước : chủ tịch Hội đồng,
- Đại diện có thẩm quyền của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước,
- Đại diện có thẩm quyền của Bộ Tài chính,
- Đại diện có thẩm quyền của Bộ Lao động,
- Đại diện có thẩm quyền của Tổng công đoàn Việt-nam,
- Đại diện có thẩm quyền của Bộ Nội thương,
- Đại diện có thẩm quyền của Bộ Vật tư (khi bàn đến những vật tư kỹ thuật),
- Đại diện có thẩm quyền của Bộ, Tổng cục phụ trách quản lý sản xuất, xây dựng, vận tải (khi bàn đến những mặt hàng hay dịch vụ thuộc các Bộ này quản lý).

Hội đồng vật giá có tính chất tư vấn ; trường hợp ý kiến không nhất trí thì Chủ nhiệm Ủy ban Vật giá Nhà nước trình các ý kiến khác nhau lên Thủ tướng Chính phủ.

Chương IV

QUẢN LÝ KHOA HỌC VÀ KỸ THUẬT

Điều 33. — Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước là cơ quan trung ương của Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm thống nhất quản lý Nhà nước về lĩnh vực khoa học và kỹ thuật, thực hiện chính sách phát triển khoa học và kỹ thuật của Đảng và Chính phủ.

Ủy ban Khoa học và kỹ thuật Nhà nước có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ các vấn đề về đường lối, chính sách, phương hướng phát triển khoa học và kỹ thuật và áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào việc phát triển nền kinh tế quốc dân, giúp Hội đồng Chính phủ quản lý thống nhất công tác nghiên cứu và phát triển khoa học và kỹ thuật trong cả nước.

2. Hướng dẫn các Bộ, các địa phương xây dựng kế hoạch và tổng hợp các bản dự án kế hoạch nghiên cứu khoa học kỹ thuật và phối hợp với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước để đưa kế hoạch nghiên cứu khoa học vào kế hoạch phát triển kinh tế và văn hóa của Nhà nước, góp ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước trong việc tổng hợp kế hoạch tiến bộ kỹ thuật của các Bộ, bảo đảm kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân dựa trên cơ sở khoa học và kỹ thuật tiến bộ, và gắn liền kế hoạch kinh tế với kế hoạch nghiên cứu và áp dụng khoa học, kỹ thuật mới.

3. Quản lý việc nghiên cứu khoa học đối với các đề tài quốc gia đã được Hội đồng Chính phủ quyết định.

4. Theo dõi và phối hợp các kế hoạch nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của các ngành, các địa phương để tổ chức sự phân công và hợp tác nghiên cứu, phát hiện những điều không hợp lý cần loại trừ và báo cáo với Hội đồng Chính phủ quyết định.

5. Thống nhất quản lý công tác sáng chế, phát minh trong nước và trao đổi sáng chế, phát minh với nước ngoài; theo dõi và đánh giá những kết quả nghiên cứu khoa học, kỹ thuật của các ngành, các cấp, các đơn vị cơ sở; đề nghị lên Hội đồng Chính phủ cấp bằng và khen thưởng những sáng chế, phát minh mức quốc gia.

6. Tổng hợp kế hoạch của các Bộ về hợp tác khoa học, kỹ thuật với nước ngoài, trình Hội đồng Chính phủ xét duyệt và theo dõi việc thực hiện các kế hoạch ấy.

7. Đề nghị Hội đồng Chính phủ ban hành hoặc trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình, tự mình ban hành những chế độ, thể lệ về quản lý khoa học và kỹ thuật, quản lý đo lường, quản lý tiêu chuẩn, quản lý chất lượng sản phẩm. Tổ chức và chỉ đạo hệ thống Nhà nước kiểm tra chất lượng sản phẩm.

8. Tổ chức công tác tư liệu và thông tin khoa học.

Điều 34. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Đánh giá trình độ kinh tế kỹ thuật đã đạt được của ngành, đề ra các biện pháp áp dụng khoa học kỹ thuật mới để nhanh chóng phát triển kỹ thuật của ngành trên cơ sở những thành tựu khoa học kỹ thuật trong nước và ngoài nước.

2. Xây dựng phương hướng, kế hoạch nghiên cứu và phát triển khoa học và kỹ thuật của ngành; nêu ra đề nghị về những đề tài quốc gia; lãnh đạo công tác nghiên cứu khoa học kỹ thuật trong ngành từ khâu nghiên cứu đến khâu ứng dụng vào sản xuất.

3. Đề nghị với Hội đồng Chính phủ về kế hoạch hợp tác khoa học và kỹ thuật với nước ngoài, và tổ chức thực hiện kế hoạch đó theo đúng những quy định của Nhà nước về quan hệ đối ngoại.

4. Quyết định kế hoạch dài hạn và kế hoạch hàng năm về nghiên cứu khoa học kỹ thuật của các đơn vị trực thuộc; chỉ đạo các cơ quan nghiên cứu khoa học, kỹ thuật và các tổ chức thiết kế chế tạo..., các xí nghiệp trực thuộc tổ chức thực hiện các kế hoạch đó, bảo đảm kết quả nghiên cứu được đưa nhanh vào sản xuất, đem lại hiệu quả cao.

5. Chỉ đạo thực hiện chế độ quản lý kỹ thuật trong ngành mình phụ trách theo đúng chế độ quản lý kỹ thuật của Nhà nước; nghiên cứu và trình Chính phủ phê chuẩn các tiêu chuẩn và định mức kỹ thuật Nhà nước và tự mình phê chuẩn các tiêu chuẩn và định mức ngành đối với những sản phẩm chưa có tiêu chuẩn Nhà nước.

6. Xây dựng ngày càng đầy đủ các quy định về quản lý khoa học, kỹ thuật và chất lượng sản phẩm của ngành mình phụ trách (tiêu chuẩn, định mức, quy trình, quy phạm...).

Chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ về việc không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm của ngành mình; nghiên cứu và áp dụng vào sản xuất các loại sản phẩm mới đáp ứng các nhu cầu của nền kinh tế quốc dân, áp dụng các công nghệ và phương pháp tổ chức sản xuất mới có hiệu quả cao; sử dụng các loại nguyên liệu, vật liệu kinh tế hơn.

Lãnh đạo công tác sáng chế, phát minh, hợp lý hóa trong ngành, và bảo đảm áp dụng rộng rãi trong ngành; cấp bằng sáng chế, phát minh trong ngành nếu xét thấy cần thiết theo đúng chế độ của Nhà nước.

7. Xây dựng các cơ sở nghiên cứu, thí nghiệm khoa học và kỹ thuật của ngành mình phụ trách theo đúng các kế hoạch và các quy định của Nhà nước ; bảo đảm cho các cơ sở đó có đủ những thiết bị và phương tiện cần thiết cho việc nghiên cứu và thực nghiệm ; chỉ đạo chặt chẽ hoạt động của các cơ quan nghiên cứu và tổ chức thiết kế chế tạo... của mình để đạt hiệu quả cao, bảo đảm sự tiến bộ kỹ thuật nhanh chóng trong ngành mình phụ trách.

8. Tổ chức công tác thông tin khoa học kỹ thuật của ngành theo chế độ quy định.

Chương V

QUẢN LÝ VẬT TƯ

Điều 35. — Trong việc kế hoạch hóa và cân đối vật tư, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước có nhiệm vụ cùng với Bộ Vật tư và các Bộ khác nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ quy định các bảng danh mục vật tư bao gồm : danh mục các loại vật tư do Hội đồng Chính phủ thống nhất quản lý, danh mục các loại vật tư do các Bộ quản lý, danh mục các loại vật tư do các Ủy ban hành chính tỉnh quản lý. Việc phân công các cơ quan chịu trách nhiệm lập bảng cân đối các loại vật tư (Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ Vật tư, các Bộ, các Ủy ban hành chính, các liên hiệp xí nghiệp, xí nghiệp liên hợp, các xí nghiệp) và các cơ quan xét duyệt các bảng cân đối ấy sẽ do Hội đồng Chính phủ quy định theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước.

Bộ Vật tư chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu kế hoạch của các ngành, các địa phương, và lập bảng dự án cân đối và chịu trách nhiệm cung ứng các loại vật tư chủ yếu mà Nhà nước giao cho Bộ quản lý kinh doanh.

Các Bộ khác quản lý loại vật tư nào, thông dụng hay chuyên dụng thì chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu và lập bảng cân đối và chịu trách nhiệm cung ứng loại vật tư mà Nhà nước giao cho Bộ ấy quản lý kinh doanh.

Ủy ban Nông nghiệp trung ương chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu và lập bảng dự án cân đối về các loại vật tư chủ yếu cho khu vực nông nghiệp.

Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm tổng hợp nhu cầu và lập bảng cân đối tổng hợp các loại vật tư chủ yếu do Nhà nước thống nhất quản lý.

Điều 36. — Bộ Vật tư là cơ quan trung ương của Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm thực hiện sự thống nhất quản lý Nhà nước đối với ngành cung ứng vật tư, tổ chức các quá trình quản lý vật tư của nền kinh tế quốc dân và tổ chức việc cung ứng những loại vật tư mà Hội đồng Chính phủ giao cho.

Bộ Vật tư có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Nghiên cứu trình Hội đồng Chính phủ ban hành hoặc trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn của mình, tự mình ban hành các chính sách, chế độ quản lý vật tư áp dụng chung cho các ngành ; tự mình xây dựng hoặc hợp tác với các ngành xây dựng trình Chính phủ ban hành các định mức Nhà nước về tiêu hao các loại vật tư chủ yếu để thúc đẩy việc sử dụng vật tư một cách tiết kiệm nhất.

2. Xây dựng đề án phát triển hệ thống tổ chức cung ứng vật tư của Nhà nước.

3. Tổ chức các quá trình cung ứng đối với những loại vật tư mà Hội đồng Chính phủ giao cho kinh doanh và tổ chức cung ứng cho các ngành kinh tế quốc dân, kể cả cho khu vực kinh tế trung ương, kinh tế địa phương, các xí nghiệp quốc doanh và các hợp tác xã.

4. Kiểm tra các ngành, các cấp, các đơn vị trong việc chấp hành các chính sách, chế độ, thể lệ quản lý và sử dụng vật tư, yêu cầu các cơ quan, đơn vị sửa chữa những sự vi phạm chế độ quản lý và sử dụng vật tư.

5. Chỉ đạo các tổ chức cung ứng vật tư thuộc Bộ ký kết hợp đồng với các tổ chức tiêu thụ, và bảo đảm cung ứng vật tư đúng kế hoạch cho các xí nghiệp, hợp tác xã, thực hiện nghiêm chỉnh chế độ hạch toán kinh tế và chế độ hợp đồng kinh tế.

6. Tổ chức quản lý dự trữ vật tư Nhà nước theo quy định của Hội đồng Chính phủ.

Kiến nghị với các ngành, các cấp về các biện pháp quản lý và sử dụng vật tư một cách có hiệu quả và tiết kiệm.

7. Được Thủ tướng Chính phủ ủy quyền điều hòa trong khuôn khổ của kế hoạch Nhà nước một số loại vật tư nhất định trong những trường hợp cần thiết, đề bảo đảm nhu cầu trọng điểm của kế hoạch Nhà nước.

Điều 37. — Các Bộ có làm nhiệm vụ cung ứng một số loại vật tư thuộc diện vật tư Nhà nước thống nhất quản lý cũng có nhiệm vụ và quyền hạn như nói ở điều 36 đối với loại vật tư mình phụ trách cung ứng.

Điều 38. — Các Bộ chịu trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc lập kế hoạch vật tư, ký kết hợp đồng, sử dụng vật tư một cách tiết kiệm và theo định mức, bảo quản và quản lý dự trữ vật tư theo đúng chế độ của Nhà nước.

Bộ xác định nhu cầu của các xí nghiệp, các tổ chức và cơ quan trực thuộc Bộ, phân phối trên kế hoạch các nguồn vật tư cho các đơn vị ấy và cho các tổ chức của ngành thuộc địa phương quản lý, kê cả cho khu vực kinh tế tập thể.

Trường hợp cần thiết để thúc đẩy việc hoàn thành các nhiệm vụ kế hoạch, Bộ trưởng có quyền hạn điều động, trong phạm vi các ngành và các xí nghiệp do Bộ trực tiếp quản lý, các loại vật tư mà Nhà nước đã ghi trong kế hoạch Nhà nước hàng năm, nhưng phải tôn trọng chế độ hạch toán kinh tế của xí nghiệp (trừ các loại thiết bị và vật tư của các công trình thiết bị toàn bộ mua của nước ngoài).

Bộ có quyền điều hòa và thanh lý các thiết bị, vật tư hư hỏng, hoặc ứ đọng ở các xí nghiệp, các tổ chức và cơ quan trực thuộc Bộ theo đúng chế độ của Nhà nước và báo cho Bộ Tài chính và Bộ Vật tư biết.

Điều 39. — Về các loại vật tư mà Nhà nước không thống nhất quản lý và phân phối và không thuộc trong danh mục cân đối của kế hoạch Nhà nước, các đơn vị kinh doanh được quyền đặt quan hệ trực tiếp mua bán với nhau bằng hợp đồng kinh tế.

Chương VI

QUẢN LÝ LAO ĐỘNG VÀ TIỀN LƯƠNG, ĐÀO TẠO CÁN BỘ, CÔNG NHÂN KỸ THUẬT

Điều 40. — Bộ Lao động là cơ quan trung ương của Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm thống nhất quản lý Nhà nước về công tác quản lý lao động xã hội và về tiền lương. Bộ Lao động có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Nghiên cứu, trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách, chế độ, luật pháp chung về sử dụng và quản lý lao động và về tiền lương như : nghĩa vụ lao động, huy động, tuyển dụng lao động, cho thôi việc, kỷ luật lao động, hợp đồng lao động, tiền lương và tiền thưởng, v.v... ; đôn đốc và kiểm tra các ngành, các cấp thực hiện những chính sách, chế độ ấy.

2. Nghiên cứu và trình Chính phủ ban hành các chế độ và phương pháp tổ chức lao động một cách khoa học, các chế độ quản lý lao động bằng tiêu chuẩn hóa cấp bậc kỹ thuật và định mức của Nhà nước về lao động nhằm nâng cao năng suất lao động và hướng dẫn các ngành, các cấp, các đơn vị thi hành.

3. Tham gia ý kiến với Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các Bộ đối với các dự án kế hoạch lao động, đứng trên quan điểm tổ chức lao động hợp lý và tăng năng suất lao động, khai thác hợp lý các nguồn dự trữ lao động xã hội và thi hành đúng các chính sách, chế độ quản lý lao động và tiền lương.

4. Trên cơ sở các chỉ tiêu kế hoạch Nhà nước, thống nhất quản lý việc huy động, điều động sức lao động cho các ngành.

5. Tổ chức và chỉ đạo công tác thanh tra việc chấp hành các chính sách, chế độ lao động và tiền lương, bảo hộ lao động và an toàn lao động.

Điều 41. — Bộ Lao động (Tổng cục đào tạo) có nhiệm vụ nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ quyết định các vấn đề cơ bản về kế hoạch hóa, về chính sách, chế độ và quy chế quản lý công tác đào tạo và bồi dưỡng công nhân kỹ thuật, đốc công và giáo viên dạy nghề; hướng dẫn các Bộ, các địa phương xây dựng kế hoạch và tổng hợp kế hoạch đào tạo công nhân kỹ thuật gửi Ủy ban Kế hoạch Nhà nước để tổng hợp cân đối trong kế hoạch Nhà nước và trình Hội đồng Chính phủ quyết định; xây dựng danh mục các nghề đào tạo và xây dựng các quy chế dạy nghề, quy chế về quản lý các trường, lớp dạy nghề, về chương trình và tài liệu dạy nghề... theo dõi, kiểm tra các ngành, các cấp, các trường dạy nghề thực hiện đúng kế hoạch, chính sách, chế độ và quy chế Nhà nước; giúp Hội đồng Chính phủ thống nhất quản lý kế hoạch, chính sách và quy chế công tác dạy nghề, công tác đào tạo và bồi dưỡng công nhân kỹ thuật, đốc công và giáo viên dạy nghề.

Điều 42. — Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp có nhiệm vụ nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ quyết định các vấn đề cơ bản về kế hoạch, về chính sách, chế độ và quy chế quản lý công tác đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý có trình độ trung học, đại học và trên đại học; hướng dẫn các Bộ, các địa phương xây dựng kế hoạch và tổng hợp kế hoạch đào tạo trung học chuyên nghiệp, đại học và trên đại học gửi Ủy ban Kế hoạch Nhà nước để tổng hợp, cân đối trong kế hoạch Nhà nước và trình Hội đồng Chính phủ quyết định; xây dựng danh mục các ngành, nghề đào tạo và xây dựng các quy chế về quản lý các trường, lớp đào tạo và bồi dưỡng cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý; hướng dẫn việc xây dựng chương trình, tài liệu giảng dạy và học tập của các trường, lớp trung học, đại học và trên đại học; kiểm tra và giúp Hội đồng Chính phủ thống nhất quản lý công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ thuộc hệ thống trung học chuyên nghiệp, đại học và trên đại học.

Điều 43. — Các Bộ có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Chỉ đạo xây dựng kế hoạch lao động và tiền lương của các đơn vị trực thuộc theo những tiêu chuẩn, định mức đã quy định, bảo đảm có hiệu quả kinh tế. Trên cơ sở kế hoạch đã được Chính phủ quyết định, Bộ có quyền phân bổ, điều phối lao động và quỹ tiền lương trong phạm vi các đơn vị trực thuộc, và bảo đảm các đơn vị ấy chấp hành tốt kế hoạch và chế độ lao động — tiền lương.

2. Quản lý lao động, bảo đảm cho mọi người làm việc và lao động tốt, cải tiến tổ chức lao động một cách khoa học bằng những hình thức tổ chức và phương pháp hợp lý nhất,

bằng việc cải tiến tổ chức sản xuất, trang bị đủ cho người lao động, cải tiến các công cụ lao động và điều kiện lao động, bảo đảm an toàn lao động trong các đơn vị thuộc ngành mình.

3. Chỉ đạo toàn ngành thực hiện định mức lao động của Nhà nước và định mức ngành, hướng dẫn các đơn vị xây dựng và thực hiện các định mức lao động hợp với trình độ sản xuất của ngành; chỉ đạo các đơn vị và tổ chức của mình thực hiện vượt các định mức, bảo đảm không ngừng nâng cao năng suất lao động.

4. Chỉ đạo công tác ký kết hợp đồng tập thể và thi đua lao động xã hội chủ nghĩa trong các xí nghiệp thuộc ngành.

5. Chăm lo bồi dưỡng chính trị, tư tưởng, kỹ thuật, nghiệp vụ và cải thiện đời sống vật chất và văn hóa của những người lao động trong các đơn vị trực thuộc Bộ, bảo đảm cho đội ngũ lao động trong ngành có phẩm chất chính trị, có trình độ khoa học, kỹ thuật và nghiệp vụ đảm đương được nhiệm vụ của ngành và đoàn kết phấn khởi sản xuất, công tác, học tập.

Điều 44. — Căn cứ vào chỉ tiêu kế hoạch lao động và tiền lương đã được duyệt cho khu vực sản xuất và kinh doanh của Bộ, các Bộ có trách nhiệm bảo đảm quỹ lương được sử dụng có hiệu quả theo mức độ hoàn thành kế hoạch sản xuất và kinh doanh; có quyền phân bổ số công nhân và nhân viên và bảo đảm số người lao động trong các đơn vị trực thuộc được sử dụng một cách hợp lý, có năng suất lao động cao và hoàn thành tốt các nhiệm vụ kế hoạch.

Trong khu vực hành chính và sự nghiệp, các Bộ chịu trách nhiệm tiến hành việc tiêu chuẩn hóa cán bộ, sắp xếp cán bộ, thực hiện tinh giản bộ máy. Trong phạm vi số biên chế đã được Hội đồng Chính phủ duyệt hàng năm, Bộ trưởng có quyền phân bổ số lượng vào từng bộ phận theo yêu cầu của công tác nhưng không được vượt quá số lượng biên chế và số kinh phí để trả lương và phụ cấp đã ghi trong ngân sách Nhà nước.

Điều 45. — Bộ trưởng Bộ Lao động lãnh đạo công tác thanh tra an toàn lao động và bảo hộ lao động; có quyền yêu cầu các cơ quan sửa chữa những sự vi phạm, kiến nghị những biện pháp cần thiết để bảo đảm an toàn lao động.

Trong trường hợp có những dấu hiệu đe dọa tính mạng người lao động, Bộ trưởng Bộ Lao động có quyền ra lệnh tạm đình chỉ hoạt động của những bộ phận cần thiết; đề nghị xử lý những cán bộ có trách nhiệm đã vi phạm nghiêm trọng các luật pháp và chính sách lao động.

Điều 46. — Việc thành lập, giải thể, quản lý các trường đào tạo cán bộ, các trường đào tạo công nhân của các Bộ phải theo đúng các chế độ, thể lệ, quy chế của Hội đồng Chính phủ, của Bộ Đại học (đối với trường trung học chuyên nghiệp và trường đại học), của Bộ Lao động (Tổng cục đào tạo, đối với trường đào tạo công nhân kỹ thuật).

Bộ Đại học và trung học chuyên nghiệp và Bộ Lao động (Tổng cục đào tạo) kiểm tra việc chấp hành các chế độ, thể lệ, quy chế về đào tạo cán bộ, công nhân ở các ngành và các địa phương.

Điều 47. — Bộ Tài chính và Ngân hàng Nhà nước có trách nhiệm tổ chức kiểm tra việc sử dụng quỹ lương trong tất cả các cơ quan, xí nghiệp của Nhà nước.

Các Bộ, các Ủy ban hành chính, các cơ quan, xí nghiệp không được dùng bất kỳ nguồn vốn nào khác ngoài số quỹ lương đã được duyệt để thuê nhân công thường xuyên hoặc để trả lương cho các công nhân viên trong biên chế. Cơ quan tài chính và ngân hàng có quyền không cấp phát, không thanh toán đối với những trường hợp vi phạm và phải báo cáo với cơ quan có thẩm quyền đề tuyền trường hợp nặng nhẹ, mà có thái độ xử lý thích đáng, kể cả việc truy tố trước pháp luật.

Chương VII

**HẠCH TOÁN KẾ TOÁN, THỐNG KÊ
VÀ THÔNG TIN KINH TẾ**

Điều 48. — Tổng cục Thống kê là cơ quan trung ương trực thuộc Hội đồng Chính phủ chịu trách nhiệm thống nhất quản lý công tác hạch toán kế toán và thống kê, xây dựng và phân tích các thông tin bằng số một cách có hệ thống và có cơ sở khoa học về quá trình tái sản xuất xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế quốc dân để làm căn cứ cho việc quyết toán kế hoạch năm đã qua và xây dựng các kế hoạch Nhà nước.

Tổng cục Thống kê có nhiệm vụ và quyền hạn :

1. Nghiên cứu, trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chế độ thống nhất của Nhà nước về hạch toán kế toán và thống kê và về báo cáo thống kê.
2. Xây dựng và chỉ đạo hệ thống hạch toán kế toán thống nhất trong nền kinh tế quốc dân từ trung ương đến các đơn vị cơ sở, với sự tham gia và phối hợp của Bộ Tài chính.
3. Quản lý tập trung và thống nhất chế độ báo cáo và điều tra thống kê.
4. Chịu trách nhiệm về sự chính xác của những số liệu, tài liệu báo cáo thống kê trước Hội đồng Chính phủ.
5. Làm báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch Nhà nước ; lập các bảng cân đối thực hiện kế hoạch Nhà nước làm cơ sở cho việc quyết toán kế hoạch và xây dựng kế hoạch.
6. Tổ chức công tác hạch toán kế toán và thống kê bằng phương tiện hiện đại.
7. Quản lý tập trung và thống nhất hệ thống tổ chức thống kê Nhà nước và hệ thống thông tin kinh tế trong nền kinh tế quốc dân.

Điều 49. — Các Bộ có trách nhiệm chỉ đạo các cơ quan và các đơn vị trực thuộc Bộ thực hiện đầy đủ, chính xác, kịp thời các chế độ về thống kê, về báo cáo thống kê, về hạch toán kế toán và thống kê thống nhất của Nhà nước.

Hà-nội, ngày 1 tháng 11 năm 1973

T.M. Hội đồng Chính phủ

K.T. Thủ tướng Chính phủ

Phó Thủ tướng

LÊ THANH NGHỊ

CHỈ THỊ của Thủ tướng Chính phủ số 275-TTg ngày 31-12-1973 về việc thực hiện bản Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ và bản Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế.

Ngày 1 tháng 11 năm 1973, Hội đồng Chính phủ đã ban hành bản *Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Hội đồng Chính phủ và bản Quy định về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của các Bộ trong lĩnh vực quản lý kinh tế.*